

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN



**QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Tài chính ngân hàng

Mã ngành:

Long An, năm 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN



**QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Tài chính ngân hàng

Mã ngành:

Người hướng dẫn khoa học:

Long An, năm 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu, và kết quả trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong các tạp chí khoa học và công trình nào khác.

Các thông tin số liệu trong luận văn này đều có nguồn gốc và được ghi chú rõ ràng./.

Tác giả

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập và nghiên cứu luận văn “ Quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang” được hoàn thành là kết quả học tập, nghiên cứu và vận dụng những kiến thức đã học ở lớp cao học Tài chính ngân hàng khóa 3, đợt 1 trường Đại học kinh tế công nghiệp Long An. Có được kết quả này không chỉ là sự phấn đấu, nỗ lực của bản thân mà còn có rất nhiều sự giúp đỡ, hỗ trợ từ quý Thầy, Cô đã truyền đạt kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường.

Tác giả xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến:

- Ban giám hiệu Trường Đại học kinh tế công nghiệp Long An, Phòng Sau đại học trường Đại học kinh tế công nghiệp Long An, cùng quý Thầy, Cô đã giảng dạy trang bị nhiều kiến thức quý báu tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

- Thầy hướng dẫn khoa học TS. Phan Ngọc Trung đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tác giả trong suốt thời gian tác giả thực hiện luận văn.

- Lãnh đạo Ủy Ban Nhân dân Huyện Gò Công Tây, Lãnh đạo các phòng, ban và các đồng nghiệp của tác giả đang công tác tại phòng Tài chính kế hoạch Huyện cung cấp nhiều tư liệu quý giá cho tác giả trong quá trình nghiên cứu.

Ngoài ra, tác giả xin chân thành cảm ơn bạn bè và các bạn học lớp thạc sĩ Tài chính ngân hàng khóa 3, đợt 1 năm 2017 trường Đại học kinh tế công nghiệp Long An đã động viên, khích lệ và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập cũng như trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn !

Tác giả

NỘI DUNG TÓM TẮT

Ngân sách Nhà nước là nguồn lực tài chính trong phát triển nền kinh tế - Xã hội của mỗi quốc gia. Nên việc quản lý ngân sách Nhà nước là khâu then chốt, một vấn đề quan trọng quyết định không nhỏ đến sự thành công trong việc điều hành, quản lý nhà nước. Hiện nay các nguồn thu Ngân sách Nhà nước còn nhiều hạn chế, thu không đủ chi, bội chi hằng năm ở mức cao, thu đúng thu đủ và có hiệu quả là cần thiết. Bên cạnh đó cũng không thể không chú trọng đến các khoản chi ngân sách.

Vì vậy việc quản lý thu chi ngân sách là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết, nó quyết định đến sự phát triển của từng địa phương thúc đẩy sự phát triển đất nước. Nhưng hiện nay việc quản lý thu, chi ngân sách vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn, cần phải có những giải pháp tháo gỡ và Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang cũng như thế. Do đó Quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang cần phải thực hiện nghiêm túc sẽ góp phần tiết kiệm và nâng cao hiệu quả ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang.

ABSTRACT

The State budget is a financial resource for the socio-economic development of each country. So the management of the State budget is the key stage, an important issue that decides the success of the state management and administration. At present, the State budget revenues are limited, revenue is insufficient, and the annual deficit is at a high level, proper and effective collection is necessary. Besides, it is impossible not to focus on budget expenditures.

Therefore, the management of budget revenues and expenditures is a very important and necessary work, it decides the development of each locality to promote the development of the country. But at present, the management of budget revenues and expenditures still faces many difficulties, requiring disassembly solutions and the same for Go Cong Tay district, Tien Giang province. Therefore, perfecting the state budget management in Go Cong Tay district, Tien Giang province needs to be seriously implemented, it will contribute to saving and improving the efficiency of state budget in Go Cong Tay district, Tien Giang province.

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	v
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	viii
DANH MỤC BẢNG.....	ix
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Sự cần thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
6. Những đóng góp mới của luận văn.....	3
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
8. Tổng quan các công trình nghiên cứu trước.....	3
9. Kết cấu luận văn.....	5
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	5
1.1. Ngân sách nhà nước.....	5
1.1.1. Khái niệm.....	5
1.1.2. Hệ thống ngân sách nhà nước.....	5
1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước.....	9
1.2. Thu ngân sách nhà nước.....	10
1.2.1. Khái niệm thu ngân sách nhà nước.....	10
1.2.2. Quản lý thu ngân sách nhà nước.....	11
1.2.3. Vai trò quản lý thu ngân sách nhà nước.....	12
1.2.4. Các khoản thu và chính sách thu ngân sách nhà nước.....	13
1.3. Chi ngân sách nhà nước.....	15

1.3.1. Khái niệm chi ngân sách nhà nước.....	15
1.3.2. Quản lý chi ngân sách nhà nước.....	17
1.3.3. Vai trò quản lý chi ngân sách nhà nước.....	18
1.3.4. Các khoản chi và chính sách chi ngân sách nhà nước.....	20
1.4. Nội dung cơ bản về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.....	21

1.4.1. Nội dung cơ bản về quản lý thu ngân sách nhà nước.....	21
1.4.2. Nội dung cơ bản về quản lý chi ngân sách nhà nước.....	25
1.5. Kết toán ngân sách nhà nước.....	29
1.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước.....	30
1.6.1. Nhân tố khách quan.....	30
1.6.2. Nhân tố chủ quan.....	31
1.7. Kinh nghiệm về quản lý ngân sách ở một số địa phương.....	33
1.7.1. Thực tiễn quản lý ở một số địa phương.....	33
1.7.2. Một số bài học kinh nghiệm.....	36
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG.....	37
2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang.....	37
2.2. Thực trạng quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang.....	39
2.2.1. Thu ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 – 2018.....	39
2.2.2. Chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 – 2018.....	42
2.2.3. Cân đối thu chi ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây.....	47
2.3. Đánh giá thực trạng quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.....	47
2.3.1. Những ưu điểm đạt được.....	47
2.3.2. Những hạn chế, tồn tại.....	50
2.3.3. Nguyên nhân.....	52

**CHƯƠNG 3 NHỮNG GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG.....55**

**3.1. Định hướng quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn Huyện Gò Công
Tây, Tỉnh Tiền Giang.....55**

3.2. Mục tiêu quản lý ngân sách tại Huyện Gò Công Tây.....55

3.3. Các giải pháp quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.....	57
3.3.1. Giải pháp tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước.....	57
3.3.2. Giải pháp tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước.....	61
3.3.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ khác.....	63
3.4. Kiến nghị.....	66
KẾT LUẬN.....	67

viii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	ANQP	An ninh quốc phòng
2	CBCC	Cán bộ công chức
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	HĐND	Hội đồng nhân dân
5	KBNN	Kho bạc Nhà nước
6	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
7	KTTT	Kinh tế thị trường
8	NHTM	Ngân hàng thương mại
9	NQD	Ngoài quốc doanh
10	NSDP	Ngân sách địa phương
11	NSNN	Ngân sách nhà nước
12	NSTW	Ngân sách Trung ương
13	PNN	Phi nông nghiệp
14	QLKT	Quản lý kinh tế
15	SXKD	Sản xuất kinh doanh
16	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
17	UBMTTQ	Ủy ban mặt trận Tổ quốc
18	UBND	Ủy Ban Nhân dân
19	XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Tổng hợp thu ngân sách Huyện từ năm 2016-2018	41
Bảng 2.2	Tổng hợp chi ngân sách Huyện từ năm 2016 – 2018	44
Bảng 2.3	Tổng hợp chi ngân sách nhà nước của Huyện Gò Công Tây	45
Bảng 2.4	Tổng hợp chi ngân sách nhà nước của Huyện Gò Công Tây	45

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Ngân sách nhà nước (NSNN) là một trong những công cụ quan trọng trong việc điều tiết kinh tế vĩ mô. Nhà nước có thể điều tiết vĩ mô nền kinh tế Xã hội thành công khi có nguồn tài chính đảm bảo, điều này phụ thuộc vào việc quản lý các nguồn thu, chi ngân sách nhà nước. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 là cơ sở pháp lý cơ bản để tổ chức quản lý ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Huyện nói riêng nhằm phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay vẫn còn một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý Ngân sách Nhà nước tại các địa phương, việc quản lý ngân sách còn lúng túng, thiếu tính thống nhất, chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Thực tế tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang quản lý thu, chi ngân sách nhà nước những năm qua còn nhiều khuyết điểm và hạn chế. Thu ngân sách vẫn chưa bao quát hết nguồn thu tại, vẫn còn tình trạng thất thu, nguồn thu ngân sách còn hạn chế... Hiệu quả các khoản chi ngân sách còn thấp, chi đầu tư còn dàn trải, thiếu tập trung dẫn đến hiệu quả đầu tư chưa cao, gây lãng phí; chi thường xuyên còn vượt dự toán. Thu ngân sách hàng năm đều không đủ chi phải nhờ vào sự trợ cấp cân đối của Tỉnh thì vấn đề tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước ngân sách Huyện Gò Công Tây cần được quan tâm nhiều hơn nữa.

Vì vậy “*Quản lý ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang*” được chọn là cần thiết để nghiên cứu thực hiện luận văn thạc sĩ Tài chính ngân hàng

2. Mục tiêu nghiên cứu:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Hệ thống cơ sở lý luận về ngân sách nhà nước cấp Huyện, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thu, chi ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây. Từ đó đề xuất một số quan điểm, giải pháp nhằm quản lý thu, chi NSNN Huyện Gò Công Tây trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể :

- Hệ thống cơ sở lý luận về thu chi ngân sách nhà nước và tình hình thu chi ngân sách nhà nước của Huyện Gò Công Tây 3 năm từ năm 2016 đến năm 2018

- Phân tích thực trạng quản lý thu, chi NSNN tại Huyện Gò Công Tây từ năm 2016 đến năm 2018

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang những năm tiếp theo.

3. Đối tượng nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang từ năm 2016 đến năm 2018

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1 Phạm vi về thời gian:

- Thời gian nghiên cứu các tài liệu được thu thập trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018

4.2 Phạm vi về không gian địa điểm và nội dung:

- Giới hạn về không gian nghiên cứu: địa điểm nghiên cứu tại phòng Tài chính kế hoạch, Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang.

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng quản lý ngân sách Huyện Gò Công Tây gặp phải những khó khăn vướng mắc gì? Nguyên nhân và hạn chế đó?

- Giải pháp nào để quản lý ngân sách Huyện Gò Công Tây ?

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Về phương diện khoa học:

Đề tài có ý nghĩa khoa học về phương diện quản lý tài chính công.

- Về phương diện thực tiễn:

Đề tài có ý nghĩa thực tiễn về quản lý ngân sách địa phương.

7. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu theo phương pháp định tính thông qua các phương pháp nghiên cứu đặc thù như :

- Phương pháp thu thập thông tin
- Phương pháp thống kê, tổng hợp, so sánh, phân tích.

8. Tổng quan các công trình nghiên cứu trước

Hiện nay, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề quản lý ngân sách nhà nước. Mỗi công trình nghiên cứu đều có mục đích, đối tượng,

phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận riêng về ngân sách nhà nước. Có thể nêu một số công trình nghiên cứu tiêu biểu được công bố như sau:

Đoàn Công Tâm (2014) “*Quản lý ngân sách nhà nước cấp phường ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính Trị - Hành Chính quốc gia Hồ Chí Minh. Luận văn làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách cấp phường tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Nguyễn Thị Hoàng Oanh (2015) “*Giải pháp hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng*”, Đại học Đà Nẵng. Trong luận văn này, tác giả đã hệ thống hóa một số vấn đề cơ bản về lý luận quản lý thu, chi ngân sách; Đánh giá thực trạng quản lý thu, chi ngân sách tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010 – 2013, từ đó đề xuất các giải pháp cũng như kiến nghị để hoàn thiện này trong thời gian tới. Bên cạnh đó tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp thống kê, phương pháp thống kê tổng hợp, phương pháp so sánh và các phương pháp khác. Nhìn chung, luận văn này cũng có những điểm mới trong giải pháp hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước so với các luận văn cùng đề tài trước đó ở Tỉnh khác.

Đặng Hồng Bảo (2015) “*Giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước tại Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương*”, Đại học Tài chính – Marketing. Luận văn này nêu lên các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước như: hệ thống pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước; đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế - Xã hội; tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước; thái độ của đội ngũ cán bộ công chức (CBCC) quản lý ngân sách nhà nước... Đánh giá thực trạng quản lý ngân sách tại Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương giai đoạn 2009 – 2014, phân tích những thành tựu trong quá trình quản lý ngân sách đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - Xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó, xác định những hạn chế gây khó khăn trong hoạt động điều hành quản lý ngân sách và các nguyên nhân của hạn chế cả về chủ quan và khách quan. Từ đó đưa ra được các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước tại Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, đồng thời góp phần vào xây dựng nền tài chính quốc gia vững mạnh, làm tiền đề vật chất cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa Xã hội ở nước ta.

Trần Thị Bảo Hòa (2016) “*Quản lý ngân sách nhà nước của huyện Thanh Sơn ,
Tỉnh Phú Thọ*”, Đại học Thương mại. Luận văn này nêu lên các nhân tố ảnh hưởng

đến quản lý ngân sách nhà nước như: hệ thống pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước; đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế - Xã hội; tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước; thái độ của đội ngũ cán bộ công chức (CBCC) quản lý ngân sách nhà nước... Đánh giá thực trạng quản lý ngân sách tại huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ 2010-2015.

Tô Văn Trường (2017) “*Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa*”, Luận văn thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên. Luận văn làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách cấp huyện tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trong các công trình kể trên, các tác giả đã đề cập về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nói chung và quản lý ngân sách Tỉnh, Huyện, Xã nói riêng tại từng địa phương. Đặc thù của mỗi địa phương là khác nhau, do đó việc nghiên cứu quản lý ngân sách cấp Huyện, Xã có những đặc thù riêng biệt khác nhau với các địa phương khác. Mặt khác trong từng giai đoạn thì việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cũng khác nhau, thực trạng về kinh tế - Xã hội cũng khác nhau, do đó một số tài liệu nghiên cứu đã không còn phù hợp với thực tế hiện nay. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu của các tác giả trên là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị khi nghiên cứu đề tài này.

- Tác giả kế thừa cơ sở lý luận về Quản lý ngân sách Nhà nước cấp Huyện, tham khảo thực trạng và giải pháp từ đó tác giả đề xuất giải pháp thích hợp quản lý ngân sách Nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang. Sự khác biệt của tác giả về mặt không gian và thời gian. Đến nay, tại phòng Tài chính kế hoạch chưa có ai nghiên cứu về lĩnh vực này, do đó đề tài của tác giả nghiên cứu không có sự trùng lặp.

9. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, bố cục của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về ngân sách nhà nước và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

Chương 2: Thực trạng quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.

Chương 3: Một số giải pháp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ

NƯỚC 1.1. Ngân sách nhà nước

1.1.1. Khái niệm Ngân sách nhà nước

NSNN là một phạm trù kinh tế khách quan, ra đời, tồn tại và phát triển trên cơ sở sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước. Theo Luật Ngân sách Nhà nước được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16/12/2002, có hiệu lực từ năm 2004 thì "Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước".

Theo Luật Ngân sách Nhà nước được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 thì "Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khung thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước".

1.1.2. Hệ thống ngân sách nhà nước

Hệ thống NSNN là tổng thể các cấp ngân sách có mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ với nhau trong quá trình tổ chức huy động, quản lý các nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách.

Hầu hết các quốc gia trên thế giới, hệ thống NSNN được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Ở nước ta bộ máy quản lý hành chính Nhà nước được tổ chức thành 4 cấp: Trung ương, Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, Huyện, thị Xã, thành phố thuộc Tỉnh và Xã, phường, thị trấn. Mỗi cấp chính quyền đều phải có ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng quản lý của cấp chính quyền đó.

NSNN bao gồm ngân sách Trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương (NSDP). NSDP bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân

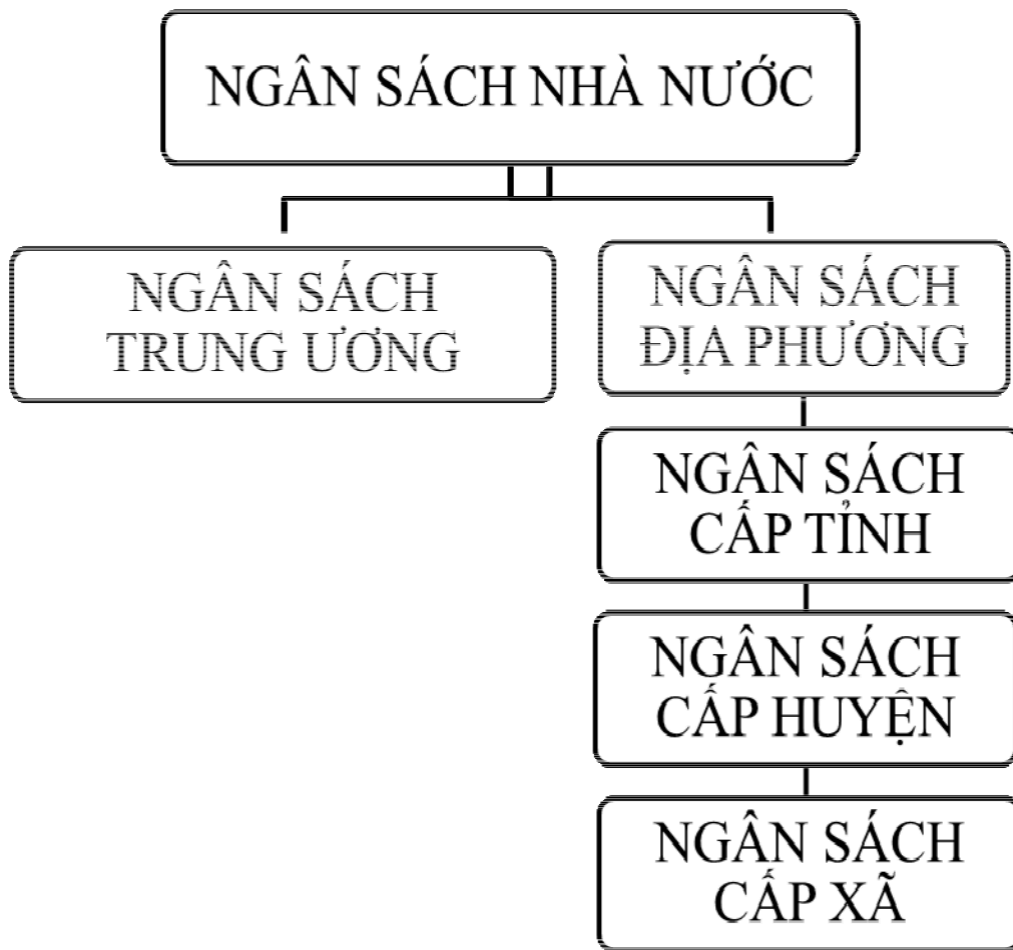
dân và Ủy Ban Nhân dân. NSDP là thực hiện cân đối các khoản thu và các khoản chi của Nhà nước tại địa phương, cùng NSTW thực hiện vai trò của NSNN, điều tiết vĩ

mô nền kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Thông qua việc huy động các khoản thuế theo pháp luật và sử dụng các nguồn quỹ ngân sách, thực hiện phân bổ chi tiêu, NSDP góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế của địa phương, định hướng đầu tư, sản xuất kinh doanh tại, vùng lãnh thổ.

Quan hệ giữa các cấp ngân sách được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- NSTW và ngân sách mỗi cấp chính quyền được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.
- NSTW đóng vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia và hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách.
- Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu để chủ động thực hiện những nhiệm vụ được giao.
- Nhiệm vụ chi thuộc cấp ngân sách nào do cấp ngân sách đó cân đối. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) cấp trên ủy quyền cho cơ quan QLNN cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thuộc chức năng của mình thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó.
- Thực hiện phân chia theo tỷ lệ % đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để đảm bảo công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Tỷ lệ % phân chia các khoản thu và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được ổn định từ 3 - 5 năm. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên được coi là khoản thu của ngân sách cấp dưới.
- Ngoài cơ chế bổ sung nguồn thu và cơ chế ủy quyền không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác.

Theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy Ban Nhân dân hiện hành ngân sách địa phương bao gồm: Ngân sách cấp Tỉnh, ngân sách cấp Huyện và ngân sách cấp Xã.



Hình 1.1. Hệ thống các cấp Ngân sách Nhà nước

(Nguồn: Tác giả)

Hệ thống NSNN của Việt Nam được tổ chức và quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung và dân chủ, thể hiện:

- Tính thống nhất: Đòi hỏi các khâu trong hệ thống ngân sách phải hợp thành một thể thống nhất, biểu hiện các cấp ngân sách có cùng nguồn thu, cùng định mức chi tiêu và cùng thực hiện một quá trình ngân sách.

- Tính tập trung: Thể hiện NSTW giữ vai trò chủ đạo, tập trung các nguồn thu lớn và các nhiệm vụ chi quan trọng. Ngân sách cấp dưới chịu sự chi phối ngân sách cấp trên và được trợ cấp từ ngân sách cấp trên nhằm đảm bảo cân đối của ngân sách cấp mình.

- Tính dân chủ: Dự toán và quyết toán ngân sách phải được tổng hợp từ ngân sách cấp dưới, đồng thời mỗi cấp chính quyền có một ngân sách và được quyền chi phối ngân sách cấp mình.

Bên cạnh đó, NSNN còn được quản lý công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Quốc hội quyết định dự toán NSNN, phân bổ NSTW, phê chuẩn quyết toán NSNN.

1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước

NSNN là khâu tài chính tập trung quan trọng nhất, kế hoạch tài chính cơ bản, tổng hợp của Nhà nước. Nó giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống tài chính và có vai trò quyết định sự phát triển của nền KT-XH. Vai trò của NSNN được xác định trên cơ sở các chức năng và trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể của nó trong từng giai đoạn cụ thể.

Trong nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, NSNN có các vai trò chủ yếu như sau:

- Chức năng phân phối: ngân sách có vai trò huy động nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và thực hiện sự cân đối thu chi tài chính của Nhà nước. Đó là vai trò truyền thống của NSNN trong mọi mô hình kinh tế. Nó gắn chặt với các chi phí của Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- NSNN là công cụ tài chính của Nhà nước góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, điều chỉnh kinh tế vĩ mô. Nhà nước sử dụng NSNN như công cụ tài chính để kiềm chế lạm phát, ổn định thị trường, giá cả cũng như giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn về bất ổn định KT-XH. Muốn thực hiện tốt vai trò này NSNN phải có quy mô đủ lớn để Nhà nước thực hiện các chính sách tài khóa phù hợp kích thích sản xuất, kích cầu để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định Xã hội.

- NSNN là công cụ tài chính góp phần bù đắp những khiếm khuyết của KTTT, đảm bảo công bằng Xã hội, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững. KTTT phân phối nguồn lực theo phương thức riêng của nó, vận hành theo những quy luật riêng của nó. Mặt trái của nó là phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng trong Xã hội, tạo ra sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn định Xã hội. Bên cạnh đó do mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên các chủ sở hữu nguồn lực

thường khai thác tối đa mọi nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái bị hủy hoại, nhiều loại hàng hóa và dịch vụ mà Xã hội cần nhưng khu vực tư nhân không cung cấp như hàng hóa công cộng. Do đó nếu để KTTT tự điều chỉnh mà không có vai trò của Nhà nước

thì sẽ phát triển thiếu bền vững. Vì vậy Nhà nước sử dụng NSNN thông qua công cụ là chính sách thuế khóa và chi tiêu công để phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong Xã hội, cung cấp hàng hóa dịch vụ công cho Xã hội, chú ý phát triển cân đối giữa các vùng, miền đảm bảo công bằng Xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Thu ngân sách nhà nước

1.2.1. Khái niệm thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước là một loại hoạt động nhà nước, hoạt động của một tổ chức có quyền lực công, luôn gắn liền với yếu tố chính trị của nhà nước. Từ đó, chúng ta có thể hiểu thu NSNN là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm tập trung một bộ phận của cải Xã hội dưới hình thức giá trị theo những hình thức và biện pháp phù hợp để hình thành nên quỹ ngân sách Nhà nước.

Xét về bản chất, thu ngân sách Nhà nước phản ánh các quan hệ phân phối của cải Xã hội giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong Xã hội. Đó là việc nhà nước dùng quyền lực chính trị của mình để tham gia vào việc phân chia của cải Xã hội được các chủ thể khác nhau trong Xã hội tạo ra. Đối tượng của hoạt động thu ngân sách Nhà nước là của cải Xã hội biểu hiện dưới hình thức giá trị.

Nét nổi bật của việc thu NSNN là: trong bất cứ Xã hội nào, cơ cấu các khoản thu NSNN đều gắn liền với chức năng, nhiệm vụ và quyền lực chính trị của Nhà nước. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước là điều kiện xuất hiện các khoản thu NSNN. Ngược lại, các khoản thu NSNN là tiền đề vật chất không thể thiếu để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Thu NSNN trước hết và chủ yếu gắn liền với các hoạt động kinh tế trong Xã hội. Mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm là tiền đề đồng thời là yếu tố khách quan hình thành các khoản thu NSNN và quyết định mức độ động viên các khoản thu của NSNN.

Thu NSNN ảnh hưởng đến tốc độ, chất lượng và tính bền vững trong phát triển của một quốc gia. Trong cơ cấu nguồn thu, nguồn thu nội địa phải luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Không thể nói đến dự phát triển bền vững nếu thu từ ngoài nước (vay nợ, nhận viện trợ từ nước ngoài) và các khoản thu có liên quan đến yếu tố bên ngoài (thuế

nhập khẩu, tiền bán tài nguyên thiên nhiên ra bên ngoài...) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu.

Trong thực tiễn đời sống Xã hội, của cải Xã hội được hình thành từ các nguồn khác nhau, có các tính chất, đặc điểm và thuộc nhiều loại chủ thể khác nhau. Do đó, tùy thuộc vào nội dung, tính chất của các nguồn của cải mà Nhà nước quy định các hình thức và biện pháp phù hợp nhằm tập trung một phần của cải Xã hội vào quỹ ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, ở nước ta cũng như phổ biến ở các nước trên thế giới, các khoản thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước được thực hiện chủ yếu theo phương thức bắt buộc mang tính quyền lực Nhà nước dưới hình thức phổ biến là thuế.

Thu ngân sách nhà nước có những đặc điểm sau:

- Thu ngân sách nhà nước gắn liền với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- Các khoản thu ngân sách nhà nước bắt nguồn và gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và các quá trình kinh tế.

1.2.2. Quản lý thu ngân sách nhà nước

Quản lý thu NSNN là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ chính sách, pháp luật để tiến hành quản lý thu thuế và các khoản thu ngoài thuế vào NSNN nhằm đảm bảo tính công bằng khuyến khích sản xuất kinh doanh (SXKD) phát triển. Đây là khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp ngân sách. Phần lớn các khoản thu NSNN đều mang tính bắt buộc mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phải tuân thủ thực hiện.

Trong quản lý thu ngân sách, khả năng thu ngân sách được đánh giá bằng tỷ lệ thu ngân sách và GDP, so sánh tốc độ tăng thu và tăng GDP xem thu ngân sách có tương xứng với GDP nhằm đảm bảo tính hợp lý, không lạm thu, vừa đảm bảo, bồi dưỡng nguồn thu và kích thích tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, trong cơ cấu thu còn tính đến tỷ lệ các khoản thu thuế, phí, lệ phí trong tổng thu, tỷ lệ này lớn thể hiện tính ổn định trong thu ngân sách.

Trong việc quản lý các nguồn thu ngân sách, thuế là nguồn thu quan trọng nhất. Thuế không chỉ chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số thu NSNN hàng năm mà còn là công cụ của nhà nước để quản lý vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Để phát huy tốt tác dụng điều tiết vĩ mô của các chính sách thuế, ở nước ta cũng như các nước khác trên

thế giới, nội dung của chính sách thuế thường xuyên thay đổi cho phù hợp với diễn biến thực tế của đời sống KT-XH và phù hợp với yêu cầu của quản lý kinh tế

(QLKT), tài chính. Các sắc thuế chủ yếu hiện đang được áp dụng ở nước ta hiện nay gồm có: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế nhà, đất...

Nội dung quản lý thu ngân sách được thể hiện qua các khâu lập dự toán từng khoản thu trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế Xã hội; chế độ, chính sách thu ngân sách hiện hành; tình hình thực hiện thu ngân sách năm trước, khâu tổ chức thực hiện có vai trò quan trọng, đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền trong thực hiện thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ và huy động kịp thời nguồn lực phục vụ nhu cầu chi. Kết thúc năm tài chính so sánh kết quả thực hiện với số dự toán được lập đầu năm, từ đó có đánh giá mức độ hoàn thành, những kết quả đạt được và tồn tại cần phải khắc phục. Ngoài ra, thanh tra, kiểm tra thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách được quan tâm, chú trọng thường xuyên, nó giúp phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực trong quản lý, chấp hành các luật thuế; các khoản thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước; các chế độ về kế toán thống kê thuế từ đó góp phần hạn chế, chống thất thu ngân sách nhà nước, đảm bảo nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế Xã hội.

1.2.3. Vai trò quản lý thu ngân sách nhà nước

Quản lý thu NSNN đóng vai trò rất quan trọng, thể hiện:

Thứ nhất, quản lý thu NSNN là công cụ quản lý của Nhà nước để kiểm soát, điều tiết các hoạt động SXKD của mọi thành phần kinh tế, kiểm soát thu nhập của mọi tầng lớp dân cư trong Xã hội nhằm động viên sự đóng góp đảm bảo công bằng, hợp lý. Các nhà nước trong lịch sử đều sử dụng công cụ thuế để ổn định và phát triển nền kinh tế, chống lại các hành vi kinh doanh phạm pháp.

Thứ hai, quản lý thu NSNN là công cụ động viên, huy động các nguồn lực tài chính cần thiết nhằm tạo lập quỹ tiền tệ tập trung của NSNN. Huy động các nguồn tài chính cần thiết vào nhà nước là nhiệm vụ chủ yếu của hệ thống thu dưới bất kỳ chế độ nào, đó là đòi hỏi tất yếu của mọi nhà nước. Nhà nước muốn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ lịch sử của mình tất yếu phải có nguồn tài chính. Nguồn tài chính mà Nhà nước có được đại bộ phận do quản lý tốt nguồn thu ngân sách mang lại.

Thứ ba, quản lý thu NSNN là nhằm khai thác, phát hiện, tính toán chính xác các nguồn tài chính của đất nước để có thể động viên được và cũng đồng thời không

ngừng hoàn thiện các chính sách, các chế độ thu để có cơ chế tổ chức quản lý hợp lý. Đây là một nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước trong quá trình tổ chức QLKT.

Thứ tư, quản lý thu ngân sách góp phần tạo môi trường bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong quá trình SXKD. Với hình thức thu và mức thu thích hợp kèm với các chế độ miễn giảm công bằng, thu NSNN có tác động trực tiếp đến quá trình SXKD của cơ sở. Với sự tác động quản lý thu ngân sách sẽ góp phần tạo nên môi trường kinh tế thuận lợi đối với quá trình SXKD. Đồng thời nó là công cụ quan trọng góp phần thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động SXKD của Xã hội.

Thứ năm, quản lý thu ngân sách có vai trò tác động đến sản lượng và sản lượng tiềm năng, cân bằng của nền kinh tế. Việc tăng mức thuế quá mức thường dẫn tới giảm sản lượng trong nền kinh tế, tức là thu hẹp quy mô của nền kinh tế. Ngược lại, giảm mức thuế chung có xu thế làm tăng sản lượng cân bằng. Trong nền KTTT, người ta sử dụng tính chất này để điều chỉnh quy mô sản lượng của nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

1.2.4. Các khoản thu và chính sách thu ngân sách nhà nước

Ở nước ta, đứng về phương diện pháp lý, thu NSNN bao gồm những khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách để thỏa mãn nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Về mặt bản chất, thu NSNN là hệ thống những quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và Xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước huy động các nguồn tài chính để hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của mình. Thu NSNN chỉ bao gồm những khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp.

- Theo Luật NSNN hiện hành, nội dung các khoản thu NSNN bao gồm:
- + Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí;
- + Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước;
- + Các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân;
- + Các khoản viện trợ;

- + Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;
- + Các khoản do Nhà nước vay để bù đắp bội chi được đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước.

- Đề tính toán số liệu về thu ngân sách hàng năm, được công bố trong các niên giám thống kê, thu NSNN được phân thành các nội dung gồm:

- + Thu trong nước (không kể thu từ dầu thô); + Thu từ dầu thô;
- + Thu từ hải quan;
- + Thu viện trợ không hoàn lại.

Chính sách thu NSNN đóng vai trò đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng quyết định đến mức huy động vào NSNN, đồng thời đảm bảo khuyến khích tích tụ vốn cho doanh nghiệp và dân cư, thúc đẩy phát triển sản xuất – kinh doanh. Chính sách về thu NSNN của Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào NSNN theo quy định. Nhìn chung, chính sách thu NSNN được điều chỉnh sát với tính chu kỳ của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong từng giai đoạn, trong đó nổi bật là quá trình cải cách chính sách thuế.

1.3. Chi ngân sách nhà nước

1.3.1. Khái niệm chi ngân sách nhà nước

Chi ngân sách nhà nước là những khoản chi tiêu do Chính phủ hay các pháp nhân hành chính thực hiện để đạt được các mục tiêu công ích, chẳng hạn như bảo vệ an ninh trật tự, đảm bảo Xã hội... Về mặt bản chất, chi ngân sách nhà nước là hệ thống những quan hệ phân bổ lại các khoản thu nhập phát sinh trong quá trình sử dụng có kế hoạch quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế, từng bước mở rộng sự nghiệp văn hóa Xã hội, duy trì hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Chi NSNN thể hiện các quan hệ tiền tệ hình thành trong quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm trang trải cho các chi phí của bộ máy QLNN và thực hiện các chức năng KT-XH mà Nhà nước đảm nhận theo những nguyên tắc nhất định.

Chi NSNN là sự phối hợp giữa hai quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN. Quá trình phân phối là quá trình cấp phát kinh phí từ NSNN hình thành các loại quỹ trước khi đưa vào sử dụng. Quá trình sử dụng là quá trình trực tiếp chi dùng khoản

tiền cấp phát từ ngân sách không trải qua việc hình thành các loại quỹ trước khi đưa vào sử dụng.

Luật NSNN đã xác định cụ thể chi NSNN bao gồm: các khoản chi phát triển kinh tế - Xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước; chi trả nợ của nhà nước; chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Mỗi chế độ Xã hội, mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, chi NSNN có những nội dung và cơ cấu khác nhau, song đều có những đặc trưng cơ bản như sau:

Chi NSNN luôn gắn chặt với bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ kinh tế chính trị Xã hội mà Nhà nước đó đảm nhiệm. Nội dung chi ngân sách do chính quyền nhà nước các cấp đảm nhận theo quy định hoặc phân cấp quản lý NSNN để đảm bảo thực hiện chức năng quản lý, phát triển KT-XH. Các cấp của cơ quan quyền lực nhà nước là chủ thể duy nhất quyết định cơ cấu, nội dung, mức độ của các khoản chi NSNN vì các cơ quan đó quyết định các nhiệm vụ chính trị, KT-XH của vùng, miền, đất nước; thể hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân.

Chi ngân sách nhằm phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng dân cư ở các vùng hay ở phạm vi quốc gia. Điều này xuất phát từ chức năng quản lý toàn diện nền KT-XH của Nhà nước.

Thông thường các khoản chi của NSNN được xem xét hiệu quả trên tầm vĩ mô. Điều này có nghĩa hiệu quả của các khoản chi ngân sách phải được xem xét toàn diện dựa trên việc hoàn thành các mục tiêu KT-XH đề ra. Các khoản chi NSNN mang tính không hoàn trả hoặc hoàn trả không trực tiếp và thể hiện ở chỗ không phải mọi khoản thu với mức độ và số lượng của những địa chỉ cụ thể đều được hoàn lại dưới hình thức chi tiêu công. Điều này được quyết định bởi những chức năng tổng hợp về KT-XH của Nhà nước.

Các khoản chi ngân sách gắn chặt với sự vận động của các phạm trù giá trị khác như tiền lương, giá cả, lãi suất, tỷ suất hối đoái... nói chung là các phạm trù thuộc lĩnh vực tiền tệ.

Để đánh giá tính tích cực, tiến bộ của ngân sách một quốc gia người ta thường xem xét đến cơ cấu nội dung chi của ngân sách quốc gia đó. Cơ cấu chi ngân sách thường được hiểu là hệ thống các khoản chi ngân sách bao gồm các khoản chi và tỷ trọng của nó... Nội dung, cơ cấu chi NSNN là sự phản ánh những nhiệm vụ kinh tế,

chính trị, Xã hội của Nhà nước đó trong từng giai đoạn lịch sử và chịu sự chi phối của các nhân tố sau:

- Chế độ chính trị Xã hội là nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến nội dung, cơ cấu chi ngân sách vì nó quyết định bản chất và nhiệm vụ KT-XH của Nhà nước.
- Sự phát triển của lực lượng sản xuất vì nó tạo khả năng và điều kiện cho việc hình thành nội dung, cơ cấu chi, vừa đặt ra yêu cầu thay đổi nội dung cơ cấu chi trong từng thời kỳ nhất định.
- Khả năng tích lũy của nền kinh tế: khả năng này càng lớn thì nguồn chi đầu tư phát triển kinh tế cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu chi thường xuyên tăng lên.
- Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ KT-XH mà nó đảm nhận trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

1.3.2. Quản lý chi ngân sách nhà nước

Quản lý chi ngân sách là quá trình phân phối lại quỹ tiền tệ tập trung một cách có hiệu quả nhằm thực hiện chức năng của nhà nước trên cơ sở sử dụng hệ thống chính sách, pháp luật. Chi ngân sách mới thể hiện ở khâu phân bổ ngân sách còn hiệu quả sử dụng ngân sách như thế nào thì phải thông qua các biện pháp quản lý. Rõ ràng quản lý chi ngân sách sẽ quyết định hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

Quản lý chi NSNN là quá trình thực hiện có hệ thống các biện pháp phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung nhằm phục vụ chi tiêu cho bộ máy và thực hiện các chức năng của Nhà nước. Thực chất quản lý chi NSNN là quá trình sử dụng các nguồn vốn chi tiêu của Nhà nước từ khâu lập kế hoạch đến khâu sử dụng ngân sách đó nhằm đảm bảo quá trình chi tiết kiệm và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của thực tế đang đặt ra theo đúng chính sách chế độ của nhà nước phục vụ các mục tiêu KT-XH.

Trong chi ngân sách nhà nước, chủ yếu là chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Đối với chi thường xuyên, là khoản chi gắn liền với thực hiện chức năng quản lý kinh tế Xã hội của nhà nước, đảm bảo mục đích tiêu dùng, duy trì hoạt động của bộ máy hành chính, nội dung chi rất đa dạng. Tuy nhiên, do nguồn thu ngân sách nhà nước có giới hạn, nhu cầu chi đầu tư lớn nên trong quản lý chi thường xuyên đòi hỏi phải thực hiện nghiêm nguyên tắc chi theo dự toán được duyệt, đúng nội dung, đối tượng, định mức chi; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Mọi khoản chi trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao phải được kiểm soát trước, trong, và sau chi đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, hoặc liên tịch giữa bộ Tài

chính và bộ chuyên ngành; định mức chi đã được Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh quyết định. Đối với chi đầu tư phát triển có tính đến cơ cấu chi thỏa đáng cho xây

dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng Xã hội, đây là nguyên tắc trong bố trí và danh mục đầu tư, tránh phân tán, dàn trải và đảm bảo phát triển cân đối giữa các ngành và vùng kinh tế. Ngoài ra, trong quản lý chi đầu tư còn phải thực hiện nghiêm nguyên tắc cấp phát vốn đầu tư như trình tự đầu tư và xây dựng, đảm bảo đúng mục đích, đúng kế hoạch; thực hiện cấp phát theo mức độ thực tế hoàn thành theo đúng dự toán được duyệt.

Chi ngân sách được đo bằng tỷ lệ tổng chi ngân sách với GDP; chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi sự nghiệp được xác định tỷ lệ so với tổng chi và so với GDP. Mối tương quan giữa tổng thu và tổng chi, tỷ lệ tổng thu, tổng chi; chi đầu tư phát triển, chi giáo dục so với GDP thể hiện quy mô và trình độ phát triển của từng địa phương. Trong chi ngân sách phải đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; trong chi thường xuyên quan tâm đến tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ.

Vấn đề quan trọng trong quản lý chi NSNN là việc tổ chức quản lý giám sát các khoản chi sao cho tiết kiệm và có hiệu quả cao, muốn vậy cần phải quan tâm các mặt sau:

- Quản lý chi phải gắn chặt với việc bố trí các khoản chi làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng quy chế kiểm tra, kiểm soát.
- Bảo đảm yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả trong việc bố trí và quản lý các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước.
- Quản lý chi phải thực hiện các biện pháp đồng bộ, kiểm tra giám sát trước, trong và sau khi chi.
- Phân cấp quản lý các khoản chi cho các cấp chính quyền địa phương và các tổ chức trên cơ sở phải phân biệt rõ nhiệm vụ phát triển KT-XH của các cấp theo luật ngân sách để bố trí các khoản chi cho thích hợp.
- Quản lý chi ngân sách phải kết hợp quản lý các khoản chi ngân sách thuộc vốn nhà nước với các khoản chi thuộc nguồn của các thành phần kinh tế để tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả chi.

1.3.3. Vai trò quản lý chi ngân sách nhà nước

Quản lý chi NSNN có vai trò rất to lớn, thể hiện:

Thứ nhất, thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản chi NSNN nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả. Thông qua quản lý

các khoản cấp phát của chi NSNN sẽ có tác động khác nhau đến đời sống KT-XH, giữ vững ổn định, đặc biệt là giải quyết các vấn đề bức xúc của Xã hội như: xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, các hoạt động mang tính cộng đồng. Quản lý chi tiêu của NSNN có hiệu quả sẽ tác động vào kích cầu khi nền kinh tế bị giảm sút hoặc cắt giảm chi tiêu chính phủ để bình ổn giá cả thúc đẩy sản xuất phát triển, hình thành quỹ dự phòng trong NSNN để ứng phó với những biến động của thị trường.

Thứ hai, thông qua quản lý các dự án đầu tư phát triển nhằm phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả. Quản lý chi ngân sách góp phần điều tiết thu nhập dân cư thực hiện công bằng Xã hội. Trong tình hình phân hoá giàu nghèo ngày càng gia tăng chính sách chi NSNN và quản lý chi NSNN sẽ giảm bớt khoảng cách phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, các khu vực, các tầng lớp dân cư, góp phần khắc phục những khiếm khuyết của KTTT. Vai trò của quản lý chi ngân sách trong việc phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tầm vĩ mô được thể hiện rất rõ. Đồng thời vai trò của nó còn thể hiện ở chỗ thông qua đầu tư và quản lý vốn đầu tư sẽ tạo ra điều kiện rút ngắn khoảng cách nông thôn và thành thị, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Có thể nói quản lý chi ngân sách có hiệu quả là yếu tố góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ ba, quản lý chi NSNN có vai trò điều tiết giá cả, chống suy thoái và chống lạm phát. Khi nền kinh tế lạm phát và suy thoái nhà nước phải sử dụng công cụ chi ngân sách để khắc phục tình trạng này. Sự mất cân đối giữa cung – cầu sẽ tác động đến giá cả giá cả tăng hoặc giảm. Để đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, nhà nước sử dụng công cụ chi ngân sách để điều tiết, can thiệp vào thị trường dưới hình thức cắt giảm chi tiêu, cắt giảm đầu tư hoặc tăng đầu tư, tăng chi tiêu cho bộ máy QLNN, cũng như trợ vốn, trợ giá và sử dụng quỹ dự trữ của nhà nước. Trong quá trình điều tiết thị trường việc quản lý chi ngân sách có vai trò rất lớn đến trong việc chống lạm phát và suy thoái, kích cầu nền kinh tế. Khi nền kinh tế lạm phát nhà nước cắt giảm chi tiêu, thắt chặt chính sách tiền tệ để hạn chế tổng cung tổng cầu, hạn chế đầu tư của Xã hội làm cho giá cả dần dần ổn định, chống lạm phát. Khi nền kinh suy thoái, sức mua giảm sút nhà nước tăng chi đầu tư để tăng cung, tăng cầu, tạo việc làm, kích cầu chống suy thoái nền kinh tế.

Thứ tư, để duy trì sự ổn định của môi trường kinh tế, Nhà nước sử dụng công cụ chi ngân sách. Thông qua quản lý các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển,

Nhà nước sẽ điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng cụ thể, tạo ra sự kích thích tăng trưởng nền kinh tế thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế mở để nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

1.3.4. Các khoản chi và chính sách chi ngân sách nhà nước

Chi ngân sách nhà nước là việc phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện chức năng của nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

Nội dung chi NSNN có thể được xem xét ở một số khía cạnh sau đây:

- Theo Luật NSNN hiện hành, chi NSNN bao gồm:
 - + Các khoản chi phát triển kinh tế - Xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước;
 - + Chi trả nợ của Nhà nước;
 - + Chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ vào mục đích, nội dung, chi NSNN được chia thành các khoản sau đây:
 - + Chi tích lũy của NSNN: gồm các khoản chi làm tăng cơ sở vật chất và tiềm lực cho nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế; là những khoản chi đầu tư phát triển và các khoản tích lũy khác;
 - + Chi tiêu dùng của NSNN: là các khoản chi không tạo ra sản phẩm vật chất để tiêu dùng trong tương lai, bao gồm chi cho hoạt động sự nghiệp, quản lý hành chính, quốc phòng, an ninh...
- Căn cứ theo yếu tố thời hạn và phương thức quản lý, chi NSNN được chia thành các nhóm sau đây:
 - + Nhóm chi thường xuyên: bao gồm các khoản chi nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Nhà nước. Một số khoản mục chính của nhóm chi này gồm: chi quản lý hành chính; chi sự nghiệp kinh tế; chi sự nghiệp Xã hội; chi quốc phòng – an ninh...
 - + Nhóm chi đầu tư phát triển: nhằm làm tăng cơ sở vật chất của đất nước và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

+ Nhóm chi trả nợ và viện trợ: bao gồm các khoản chi để Nhà nước thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản đã vay trong nước, vay nước ngoài khi đến hạn và các khoản chi làm nghĩa vụ quốc tế;

+ Nhóm chi dự trữ: là những khoản chi NSNN để bổ sung quỹ dự trữ nhà nước và quỹ dự trữ tài chính.

Cách phân chia này cũng được căn cứ để cơ quan thống kê tính toán số liệu về chi ngân sách hàng năm, công bố trong các niên giám thống kê.

1.4. Nội dung cơ bản về quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước

1.4.1. Nội dung cơ bản về quản lý thu ngân sách nhà nước

Việc nghiên cứu toàn diện việc quản lý thu NSNN bao gồm rất nhiều vấn đề và rất rộng, trong khuôn khổ luận văn này, tác giả chỉ tập trung trình bày một số vấn đề về quản lý thu thuế và các khoản thu phí, lệ phí. Đây là các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu NSNN.

1.4.1.1. Nội dung quản lý thu thuế

Như chúng ta đã biết, thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, là nguồn thu chính chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng trong tổng thu NSNN. Đồng thời thuế cũng là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng Xã hội. Do vậy quản lý thu thuế nói chung và quản lý thu thuế ở địa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quản lý NSNN. Quản lý thu thuế là hệ thống các biện pháp nghiệp vụ do cơ quan có chức năng thu ngân sách thực hiện.

Quản lý thu thuế phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật: Quy trình xây dựng các biện pháp quản lý thuế phải xuất phát từ các luật thuế, nằm trong khuôn khổ luật quy định. Nguyên tắc này cũng đòi hỏi các biện pháp quản lý thuế của Nhà nước cũng phải phù hợp với quy định chung về thuế của các tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là sau khi chúng ta gia nhập WTO.

- Nguyên tắc thống nhất, tập trung dân chủ: Quy trình tổ chức và quản lý thuế được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước cho các cơ quan thu và cho các đối tượng nộp thuế là các pháp nhân hay thể nhân. Không cho phép cơ quan thu được đặt ra bất cứ biệt lệ nào và cũng như có sự phân biệt đối xử giữa những người nộp thuế trong quá trình hành thu thuế.

- Nguyên tắc công bằng trong quản lý thuế: Đây là nguyên tắc cơ bản của thuế, nghĩa là mọi công dân phải có nghĩa vụ vật chất với Nhà nước phù hợp với khả năng tài chính của mình. Khi xây dựng biện pháp quản lý thuế phải quán triệt nguyên tắc

này nhằm động viên sức lực của toàn Xã hội cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; qua đó gắn kết nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức và công dân với nghĩa vụ và quyền lợi của quốc gia. Chỉ có như thế sự phát triển mới mang tính chất cộng đồng và bền vững.

- Nguyên tắc minh bạch: Các khâu trong quy trình quản lý thuế đối với các đối tượng nộp thuế phải được công khai hóa, tuyên truyền, tư vấn, giải thích quy trình quản lý thuế đến việc tổ chức thực hiện từng khâu trong quy trình này đều phải rõ ràng, dễ hiểu, công khai. Hạn chế trường hợp đối tượng nộp thuế thiếu thông tin về các quy định về thuế.

- Nguyên tắc thuận tiện, tiết kiệm và hiệu quả trong quản lý thuế: Quản lý thuế là những biện pháp mang tính nghiệp vụ và hành chính pháp định. Nguyên tắc này đòi hỏi cơ quan hành thu phải xây dựng quy trình quản lý thuế theo luật định một cách hợp lý, phù hợp với tình hình, đặc điểm, điều kiện SXKD, thu nhập phát sinh của người nộp thuế. Việc thực hiện nguyên tắc này phải tạo ra những thuận lợi và tiết kiệm tối đa chi phí về thời gian, vật chất và tiền cho cơ quan thu và cho người nộp thuế. Có như vậy mới phát huy được hiệu quả và hiệu lực của cơ chế hành thu thuế.

Trên cơ sở tuân thủ những nguyên tắc nêu trên, nội dung quản lý thu thuế bao gồm các vấn đề sau:

Thứ nhất, xây dựng dự toán thu về thuế. Đây là khâu cơ sở của quá trình quản lý thu thuế, việc xây dựng dự toán thu này phải dựa trên các căn cứ sau:

- Các văn bản pháp luật về thuế hiện hành. Đây là cơ sở pháp lý của dự toán thu về thuế.
- Kế hoạch phát triển KT-XH của cả nước hay từng địa phương, đơn vị.
- Thực trạng tài chính quốc gia, tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách năm báo cáo và yêu cầu động viên vào ngân sách năm kế hoạch.
- Chủ trương, chính sách QLKT của nhà nước đã và sẽ ban hành.

Thứ hai, tổ chức các biện pháp thực hiện thu. Nội dung này bao gồm:

- Quản lý đối tượng nộp thuế thông qua việc đăng ký thuế và cấp mã số thuế. Cá nhân kinh doanh phải liên hệ với cơ quan thuế địa phương để đăng ký thuế. Các bộ

phận của cơ quan thuế sau khi tiếp nhận, kiểm tra sẽ phát giấy chứng nhận đăng ký thuế cùng với mã số thuế cho cá nhân kinh doanh. Còn với các tổ chức thì sẽ được cấp

chứng nhận đăng ký thuế khi thực hiện đăng ký kinh doanh thông qua cơ chế một cửa liên thông tại Sở Kế hoạch và đầu tư.

- Xây dựng và lựa chọn quy trình quản lý thu thuế. Hiện nay đang áp dụng quy trình tự kê khai, tự tính thuế, tự nộp thuế. Theo phương thức này các tổ chức, cá nhân khai thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, phương pháp trực tiếp trên doanh thu thì đối tượng nộp thuế phải tự kê khai, tự tính thuế và tự nộp thuế vào NSNN và phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực của việc tự khai tự nộp của mình. Cơ quan thuế sẽ chủ yếu tập trung vào kiểm tra, thanh tra và đôn đốc cũng như tư vấn cho đối tượng nộp thuế. Đây là phương thức tiên tiến được nhiều nước có nền KTTT trên thế giới áp dụng, tạo nhiều thuận lợi cho người nộp thuế cũng như cơ quan thuế, tiết kiệm được chi phí.

- Tổ chức thu nộp tiền thuế. Hình thức chủ yếu hiện nay là nộp trực tiếp vào các ngân hàng thương mại (NHTM). Theo đó đối tượng nộp thuế sẽ nộp trực tiếp hoặc nộp thuế điện tử vào NHTM dưới dạng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Để làm tốt này cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế, NHTM và Kho bạc nhà nước (KBNN) để nắm bắt kịp thời tình hình nộp thuế từ đó có biện pháp đôn đốc thu nộp kịp thời.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra về thuế. Đây là khâu tất yếu của quy trình quản lý thuế. Mục tiêu chính của công tác này là đảm bảo thi hành pháp luật thuế nghiêm minh từ cả phía đối tượng nộp thuế lẫn cơ quan thuế, giúp loại trừ mọi biểu hiện gian lận thuế, trốn thuế và cả những những nhiễu, tiêu cực của cán bộ thuế. Ngoài ra khi đẩy mạnh việc thực hiện chế độ tự khai tự tính thuế, tự nộp càng phải củng cố và tăng cường thanh tra, kiểm tra.

1.4.1.2. Nội dung quản lý thu phí, lệ phí

Thuế là khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN, tuy nhiên nếu chỉ thu thuế thì chính phủ không đủ nguồn tài trợ cho nhiều hoạt động vốn rất đa dạng của mình và cũng không thể buộc người dân sử dụng hàng hóa và dịch vụ công theo cách thức có hiệu quả. Do đó phí, lệ phí đặt ra đối với những tổ chức và cá nhân sử dụng hàng hóa hay dịch vụ công.

Phí thuộc NSNN là khoản tiền mà các tổ chức và cá nhân phải trả cho một cơ quan nhà nước khi nhận được dịch vụ do cơ quan này cung cấp. Trong hoạt động Xã hội, nhiều tổ chức thuộc bộ máy công quyền cung cấp ra bên ngoài nhiều dịch vụ.

Chúng cần thiết phải thu tiền của đối tượng thụ hưởng để bù đắp chi phí hoạt động. Phí chính là số tiền đó.

Lệ phí là khoản tiền mà các tổ chức và cá nhân phải nộp cho cơ quan nhà nước khi thụ hưởng dịch vụ liên quan đến quản lý hành chính do cơ quan này cung cấp.

Phí, lệ phí không phải là giá cả của dịch vụ công mà chỉ là động viên một phần thu nhập của người thụ hưởng nhằm thực hiện công bằng trong tiêu thụ dịch vụ công.

Mọi khoản phí, lệ phí đều phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Theo quy định hiện hành tại Luật phí và lệ phí và Nghị định 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ thì Chính phủ quy định nguyên tắc xác định thu, miễn, giảm phí lệ phí, kê khai thu nộp, quản lý và sử dụng phí, quyền và trách nhiệm của tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước về quản lý phí và lệ phí đồng thời quy định xác định tỷ lệ để lại và quản lý sử dụng phí. Đối với một số khoản thu phí, lệ phí quan trọng, Chính phủ trực tiếp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và chế độ quản lý. Đối với những khoản còn lại, chính phủ giao hoặc phân quyền quy định mức thu, chế độ thu, nộp và chế độ quản lý cho cấp Bộ và tương đương. Căn cứ vào quy định chi tiết của Chính phủ, Bộ Tài chính quy định mức thu cụ thể đối với từng loại phí, lệ phí, hướng dẫn mức thu cho các cơ quan được phân cấp quy định mức thu. HĐND Tỉnh quyết định thu phí, lệ phí được phân cấp. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tự đặt ra các loại phí, sửa đổi mức thu phí đã được cơ quan có thẩm quyền quy định, thu phí trái với quy định của pháp luật.

Đơn vị thu phí, lệ phí là cơ quan thuế và các cơ quan được pháp luật quy định. Các cơ quan này phải niêm yết công khai tại địa điểm thu về tên gọi, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu phải cấp chứng từ thu theo quy định của Bộ Tài chính.

1.4.2. Nội dung cơ bản về quản lý chi ngân sách nhà nước

1.4.2.1. Quản lý chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển gồm:

- Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - Xã hội do địa phương quản lý.

- Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Chi đầu tư phát triển của NSNN là quá trình sử dụng một phần vốn tiền tệ đã tập trung vào NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng KT-XH, phát triển sản xuất và thực hiện dự trữ vật tư hàng hóa nhằm thực hiện mục tiêu ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế.

Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN là một nội dung rất rộng lớn, trong luận văn này tác giả tập trung vào trình bày về quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB), đây là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi đầu tư phát triển và được thực hiện theo phương thức không hoàn trả.

Nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả vốn đầu tư XDCB, việc quản lý cấp phát vốn đầu tư cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Cấp phát vốn đầu tư XDCB phải đảm bảo đúng mục đích và đúng kế hoạch. Đây là nguyên tắc quan trọng do nguồn vốn và phương hướng sử dụng vốn đầu tư đã được trong dự toán ngân sách hàng năm. Nguyên tắc này đòi hỏi việc cấp phát chỉ được tiến hành cho những công trình đã được ghi kế hoạch và phải có đầy đủ thủ tục XDCB theo quy định.
- Vốn đầu tư XDCB được cấp phát trực tiếp. Nguyên tắc này đòi hỏi vốn đầu tư XDCB phải được cấp phát trực tiếp cho từng công trình, từng chủ đầu tư.
- Vốn đầu tư XDCB được cấp phát theo mức độ hoàn thành thực tế của công trình, theo đúng dự toán được duyệt. Chủ đầu tư chỉ thanh toán cho bên nhận thầu khi đã hoàn thành bàn giao công trình hay hạng mục công trình hoặc khối lượng hoàn thành theo giai đoạn, điểm dừng kỹ thuật. Nguyên tắc này đảm bảo việc cấp phát vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích.
- Cấp phát vốn đầu tư XDCB phải được thực hiện kiểm tra thường xuyên. Việc kiểm tra này được thực hiện trong toàn bộ quá trình đầu tư. Thực hiện kiểm tra bằng đồng tiền trong quá trình cấp phát vốn đầu tư nhằm đảm bảo tính hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Các nguyên tắc này có mối quan hệ mật thiết với nhau nhằm đảm bảo vốn đầu tư của Nhà nước được cấp phát kịp thời, đúng kế hoạch, đúng mục đích và đạt hiệu quả kinh tế cao.

1.4.2.2. Quản lý chi thường xuyên

Chi thường xuyên là một bộ phận của chi NSNN, nó phản ánh quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về quản lý KT-XH của Nhà nước.

Chi thường xuyên của NSNN bao gồm các khoản chi:

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế, giáo dục và đào tạo, y tế, Xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do địa phương quản lý;
- Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn Xã hội (phần giao cho địa phương);
- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - Xã hội ở địa phương;
- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị Xã hội – nghề nghiệp, tổ chức Xã hội, tổ chức Xã hội – nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các chính sách Xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;
- Chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý;
- Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Cùng với quá trình phát triển KT-XH các nhiệm vụ thường xuyên của nhà nước ngày càng tăng lên làm phong phú thêm nội dung chi thường xuyên của ngân sách. Chi thường xuyên có các đặc điểm cơ bản đó là: đây là những khoản chi có tính chất liên tục; là những khoản chi mang tính chất tiêu dùng; phạm vi, mức độ chi thường xuyên phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước và quy mô cung ứng các hàng hóa công của Nhà nước.

Quản lý chi thường xuyên bao gồm các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng hệ thống định mức chi ngân sách. Đây là công cụ rất quan trọng để cơ quan tài chính các cấp có căn cứ để lập phương án phân bổ ngân sách, kiểm tra quá trình chấp hành ngân sách và thẩm tra xét duyệt quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách. Bên cạnh đó định mức chi cũng là cơ sở pháp lý để các đơn vị sử dụng ngân sách triển khai thực hiện dự toán ngân sách được giao theo đúng chế độ quy định. Định mức chi bao gồm hai loại: định mức phân bổ và định mức sử dụng ngân sách.

- Định mức phân bổ ngân sách. Đây là định mức mang tính chất tổng hợp.

Loại định mức này biểu hiện như: định mức kinh phí hành chính trên một biên chế, định

mức chi tổng hợp cho một học sinh thuộc các cấp học, một giường bệnh; định mức cho sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao tính trên một người dân... Định mức này ban hành hàng cho cả một thời kỳ ổn định ngân sách và có tính đến yếu tố điều chỉnh tăng hàng năm do trượt giá. Trên cơ sở tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao và định mức phân bổ ngân sách của Thủ tướng chính phủ, các địa phương xây dựng và ban hành các định mức phân bổ cho các ngành, các cấp, các đơn vị thụ hưởng ngân sách phù hợp với điều kiện KT-XH và khả năng ngân sách của địa phương mình.

- Định mức sử dụng ngân sách: loại định mức này biểu hiện như chế độ tiền lương, phụ cấp lương, chế độ công tác phí, thanh toán cước phí điện thoại... Loại định mức này khá đa dạng do chi thường xuyên bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Theo quy định hiện hành phần lớn các định mức này do Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp với Bộ Tài chính ban hành. Đối với địa phương thì HĐND Tỉnh được ban hành một số định mức, chế độ chi tiêu phù hợp với đặc thù địa phương. Đây là cơ sở pháp lý để các đơn vị sử dụng ngân sách chấp hành khi chi tiêu ngân sách được cấp và cũng là cơ sở để KBNN thực hiện kiểm soát chi.

Do tầm quan trọng của định mức đối với quản lý chi thường xuyên nên khi xây dựng định mức cần chú ý các yêu cầu sau:

+ Định mức chi phải được xây dựng một cách khoa học, không mang tính áp đặt chủ quan từ cấp trên, từ trung ương xuống, phải phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng đơn vị, với từng nội dung chi.

+ Định mức chi phải mang tính thực tiễn cao, phản ánh được mức độ phù hợp của các định mức chi với nhu cầu kinh phí cho hoạt động. Phải tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình hình thực hiện định mức, từ đó điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với biến động của thực tiễn.

+ Định mức phải mang tính ổn định nhằm đảm bảo ổn định chi thường xuyên trong cân đối ngân sách cũng như thực hiện hiện chính sách khoán chi hành chính, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

Thứ hai, lập dự toán chi thường xuyên. Khi lập dự toán chi thường xuyên phải dựa trên các căn cứ sau:

- Các chỉ tiêu phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh quốc phòng (ANQP)...
liên quan đến chỉ thường xuyên.

- Chính sách của Nhà nước về hoạt động của bộ máy QLNN, các hoạt động sự nghiệp, ANQP và các hoạt động khác trong từng giai đoạn nhất định.
- Các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền quy định; định mức phân bổ dự toán ngân sách do Thủ tướng chính phủ, HĐND Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo phân cấp.
- Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN; Thông tư hướng dẫn lập dự toán ngân sách của Bộ Tài chính và văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản các cấp.
- Số kiểm tra về dự toán ngân sách được cơ quan có thẩm quyền thông báo, tình hình thực hiện dự toán năm báo cáo và các năm liền kề.

Thứ ba, chấp hành dự toán chi thường xuyên. Đây là nội dung rất quan trọng trong chi ngân sách, là khâu thứ hai trong chu trình quản lý ngân sách. Mục tiêu chính của việc tổ chức chấp hành dự toán chi thường xuyên là đảm bảo phân phối, cấp phát và sử dụng kinh phí được phân bổ một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả. Muốn vậy trong quá trình tổ chức chấp hành dự toán chi thường xuyên cần chú trọng các yêu cầu sau: phân phối nguồn vốn một cách hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở dự toán chi đã xác định; đảm bảo cấp phát vốn kịp thời, đúng nguyên tắc; tuân thủ đúng nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng vốn NSNN. Trong khâu này cần tăng cường kiểm tra giám sát của cơ quan tài chính các cấp, kiểm soát chi của KBNN và hơn hết là nâng cao ý thức chấp hành dự toán, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn kinh phí được cấp của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Thứ tư, quyết toán chi thường xuyên. Đây là khâu kết thúc của chu trình quản lý các khoản chi thường xuyên của ngân sách. Quyết toán chi thường xuyên cũng được lập từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên theo hệ thống các cấp dự toán và các cấp ngân sách. Quá trình quyết toán chi thường xuyên phải chú ý các nội dung sau:

- Phải lập đầy đủ các loại báo cáo quyết toán và gửi kịp thời các loại báo cáo đó cho các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, xét duyệt hoặc phê chuẩn theo quy định của luật NSNN.

- Số liệu trong báo cáo quyết toán phải đảm bảo chính xác, trung thực, theo đúng mục lục ngân sách quy định.

- Báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán và của ngân sách các cấp phải được KBNN đồng cấp xác nhận về tổng số và chi tiết trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Qua quyết toán chi thường xuyên ngân sách sẽ giúp các cơ quan quản lý phân tích đánh giá quá trình chấp hành ngân sách, chấp hành các định mức nhà nước đã quy định của các đơn vị thụ hưởng ngân sách cũng như của các cấp ngân sách, nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình sử dụng ngân sách; làm cơ sở cho việc xây dựng cũng như điều chỉnh các định mức phân bổ ngân sách, xây dựng dự toán ngân sách cho năm sau.

1.5 Kết toán ngân sách nhà nước:

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước phải thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Ngân sách Nhà nước được thực hiện trong một năm và xảy ra 1 trong ba trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Tổng thu > Tổng chi: Bội thu ngân sách nhà nước. Đây là trạng thái cực tốt của Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, bội thu (thặng dư) ngân sách nhà nước là trạng thái rất hiếm xảy ra đối với nhiều nước trên thế giới.

- Trường hợp 2: Tổng thu = Tổng chi: cân bằng Ngân sách nhà nước.

- Trường hợp 3: Tổng thu < Tổng chi: Bội chi ngân sách nhà nước (Ngân sách nhà nước bị thâm hụt). Đây là trường hợp xảy ra thường xuyên và có hệ thống đối với nhiều quốc gia trên thế giới.

1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà

nước 1.6.1. Các nhân tố khách quan

Trong quản lý thu, chi NSNN thường chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố khách quan chủ yếu như sau:

1.6.1.1. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước

Các quy định pháp lý về quản lý thu, chi NSNN; quy định phạm vi, đối tượng thu, chi của các cấp chính quyền; quy định việc phân công, phân cấp nhiệm vụ chi, quản lý chi của các cấp chính quyền; quy định, quy trình, nội dung lập, chấp hành và

quyết toán ngân sách. Quy định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý thu, chi ngân sách, sử dụng quỹ ngân sách.

Những văn bản của Nhà nước có tính quy phạm pháp luật chi phối mọi quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý thu, chi NSNN. Tuy nhiên thực tiễn luôn vận động, biến đổi sẽ phát sinh yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý tài chính và vai trò quản lý Nhà nước về tài chính. Thực tế cho thấy nhân tố về thể chế tài chính có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quản lý thu, chi NSNN trên một lãnh thổ địa bàn nhất định, do vậy đòi hỏi phải ban hành những thể chế tài chính đúng đắn phù hợp mới tạo điều kiện cho công tác nói trên đạt được hiệu quả cao.

1.6.1.2. Nhiệm vụ điều tiết kinh tế, Xã hội trong giai đoạn 2016-2020

Phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế Xã hội. Chiến lược tài chính quốc gia cũng nhằm phục vụ cho chiến lược tổng thể đó. Chính vì vậy từng địa phương phải có những chiến lược cụ thể trong chiến lược tổng thể cũng như đề ra các nhiệm vụ điều tiết kinh tế, Xã hội trong từng giai đoạn. Một vấn đề quan trọng để quản lý ngân sách cấp Huyện đạt mục tiêu đã đặt ra là phải biết kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn, có hiệu quả giữa định hướng, mang tính chiến lược với giải pháp tài chính phục vụ những yêu cầu, nhiệm vụ ngắn hạn, trước mắt. Trong mọi hoàn cảnh phải kiên trì chiến lược tài chính tổng thể đồng thời cũng phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế của địa phương.

1.6.1.3. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - Xã hội

Đây cũng có thể là những lợi thế hoặc là yếu tố bất lợi đối với từng địa phương. Nếu các địa phương nắm vững những yếu tố này khi tổ chức thực hiện quản lý thu, chi NSNN theo hướng khai thác tốt các yếu tố thuận lợi, hạn chế các yếu tố bất lợi sẽ đạt được hiệu quả sử dụng các nguồn lực sẵn có của địa phương nhằm thực hiện tốt nhất các mục tiêu đề ra với chi phí thấp nhất và ngược lại.

1.6.2. Các nhân tố chủ quan

Trong quản lý thu, chi NSNN, ngoài sự ảnh hưởng của các nhân tố khách quan thì quản lý thu, chi NSNN còn chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan như sau:

1.6.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Khi nói đến cơ cấu tổ chức một bộ máy quản lý thu, chi NSNN người ta thường đề cập đến quy mô nhân sự của nó và trong sự thiết lập ấy chính là cơ cấu tổ chức bộ

máy và cán bộ quản lý thu, chi NSNN và các mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các bộ phận trong quá trình thực hiện chức năng này. Hay nói cách khác, điều quan trọng hơn cả là phải thiết lập cụ thể, rõ ràng, thông suốt các “mối quan hệ ngang” và các “mối quan hệ dọc”. Sự thiết lập ấy được biểu hiện thông qua quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp, các bộ phận trong tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý thu, chi NSNN. Quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ máy và cán bộ quản lý thu, chi NSNN theo chức năng trách nhiệm, quyền hạn giữa bộ phận này với bộ phận khác, giữa cấp trên với cấp dưới trong quá trình phân công phân cấp quản lý đó. Nếu việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp Huyện không rõ ràng, cụ thể thì sẽ dễ xảy ra tình trạng hoặc thiếu trách nhiệm, hoặc lạm quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý thu, chi NSNN. Song song đó, việc thiết lập bộ máy quản lý NSNN vừa phải tuân thủ nguyên tắc tập trung, dân chủ trong hệ thống bộ máy quản lý nhà nước, vừa thực hiện nguyên tắc quản lý ngành kết hợp với quản lý theo địa phương. Khi cơ sở kỹ thuật trong hoạt động quản lý đầy đủ, hiện đại, trình độ của CBCC quản lý cao có thể đảm nhiệm nhiều công việc sẽ góp phần làm giảm lượng CBCC quản lý trong bộ máy quản lý, tạo nên một bộ máy quản lý gọn nhẹ hơn nhưng vẫn đảm bảo được tính hiệu quả trong quản lý.

1.6.2.2. Thái độ của đội ngũ công chức, cán bộ quản lý ngân sách nhà nước

Đối với những người đã qua đào tạo, có trình độ tay nghề cao, có ý thức làm

việc thì họ sẽ hoàn thành công việc nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn, khối lượng công việc cũng lớn hơn do đó sẽ làm giảm đi số lao động quản lý dẫn đến việc thực hiện các mục tiêu chung sẽ nhanh và hiệu quả hơn. Ngược lại, với những lao động không có ý thức làm việc, không tự giác sẽ dẫn đến số lượng lao động quản lý gia tăng, làm cho lãnh đạo trong tổ chức tăng lên, việc quản lý ngày càng khó khăn hơn.

1.6.2.3. Trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập

Việc quản lý thu, chi NSNN luôn chịu ảnh hưởng của nhân tố về trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập của người dân tại. Khi trình độ kinh tế phát triển và mức thu nhập bình quân của người dân tăng lên, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn ngân sách và sử dụng có hiệu quả, mà nó còn đòi hỏi các chính sách,

chế độ, định mức kinh tế - tài chính, mức chi tiêu ngân sách phải thay đổi phù hợp với sự phát triển kinh tế và mức thu nhập, mức sống của người dân. Do đó, ở nước ta

cũng như các nước trên thế giới đều luôn quan tâm chú trọng đến nhân tố này trong quá trình quản lý hoạch định của chính sách thu, chi NSNN.

Thực tế cũng cho ta thấy rằng, khi trình độ phát triển kinh tế và mức thu nhập bình quân tại còn thấp cũng như ý thức về sử dụng các khoản chi chưa được đúng mức còn có tư tưởng ỷ lại Nhà nước thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý chi NSNN. Khi chúng ta thực hiện tốt những vấn đề thu ngân sách trong đó có nhiều nhân tố tác động nhưng trình độ mức sống của người dân ngày càng nâng cao thì việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước có thể rất dễ dàng. Trường hợp nếu trình độ và mức sống còn thấp thì việc thu thuế cũng rất khó khăn và sẽ dẫn đến tình trạng thất thu NSNN.

1.6.2.4. Hiệu lực kiểm tra, kiểm soát và giám sát tài chính

Trong thực tiễn, không ít các tổ chức có các hành vi, việc làm gây tổn hại đến tài chính Nhà nước, ảnh hưởng đến quản lý NSNN. Vì vậy, hiệu lực của hệ thống thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài, từ trên xuống càng được tăng cường, càng được xem trọng thực chất hơn là hình thức thì ngân sách mới tránh khỏi nguy cơ bị sử dụng lãng phí đồng thời giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính. Khi đó quản lý NSNN mới thật sự bền vững.

1.6.2.5. Tổ chức công khai tài chính

Tổ chức công khai tài chính là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện dân chủ từ cơ sở theo phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đảm bảo nhà nước pháp quyền Việt Nam thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, để nâng cao độ tin cậy của thông tin tài chính, tạo dựng thói quen công khai tài chính trong đời sống Xã hội, xem đó vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của cả người cung cấp thông tin và sử dụng thông tin.

1.7. Kinh nghiệm về quản lý ngân sách ở một số địa phương và rút ra bài học cho Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang

Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hiệu quả là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu của bất kỳ địa phương nào nhằm phục vụ phát triển kinh tế - Xã hội. Đặc biệt, nhu cầu chi ngày càng lớn, tình trạng bội chi ngân sách thường xuyên ở một số địa phương thì việc phác họa một số kinh nghiệm quản lý, sử dụng ngân sách các

địa phương phía Đông Tỉnh Tiền Giang rút ra những bài học kinh nghiệm, tham khảo cho Huyện Gò Công Tây.

1.7.1. Thực tiễn quản lý thu, chi ngân sách nhà nước ở một số địa phương

1.7.1.1. Huyện Chợ Gạo

Ủy Ban Nhân dân Huyện Chợ Gạo tập trung chỉ đạo các phòng, ban, ngành thực hiện dự toán ngân sách nhà nước bám sát các mục tiêu và Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND Huyện cũng như chỉ đạo của UBND Huyện về quản lý thu, chi NSNN. Tổ chức thành lập các đoàn thu đến các hộ gia đình để, thuế sử dụng đất PNN và tiền thuê đất.

Để hoàn thành dự toán thu được giao hàng năm, UBND Huyện chỉ đạo quyết liệt các cấp các ngành từ Huyện đến cơ sở đề ra cơ chế điều hành ngân sách nhằm tìm ra các giải pháp khai thác hết nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Các hộ cá nhân kinh doanh phát sinh đều đưa lập bộ để quản lý thu; thực hiện theo dõi quản lý chặt chẽ các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế môn bài, thuế GTGT, thuế TNDN... nhất là tập trung chống thu thuế XDCCB tư nhân, thực hiện chống buôn lậu và gian lận thương mại tại. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh tại, từ đó tăng thu

Về chi ngân sách nhà nước, để đảm bảo quản lý chặt chẽ chi NSNN, Huyện đã yêu cầu các đơn vị thụ hưởng ngân sách phải lập lại dự toán chi theo quý, có chia theo tháng chi tiết để có căn cứ cấp phát sát đúng với tình hình hoạt động thực tế của mỗi đơn vị. Huyện luôn chỉ đạo quyết liệt điều hành chi một cách tích cực, giám sát các đơn vị thụ hưởng ngân sách Huyện phải bám sát vào dự toán chi được giao để tổ chức quản lý và chi tiêu chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức, tiết kiệm và có hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi từ khâu chi thường xuyên đến chi mua sắm và sửa chữa tài sản cơ quan; thẩm định quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, qua đó đã giảm trừ hoặc xuất toán những khoản chi sai, chi vượt chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước.

1.7.1.2. Huyện Tân Phú Đông

Các ngành, các cấp của Huyện Tân Phú Đông đã tập trung lãnh chỉ đạo ngay từ những tháng đầu năm đối với thu, tuyên truyền chính sách, pháp luật trong đó có chính sách thuế cũng được quan tâm đúng mức. Số thu ngân sách đều đạt và vượt dự

toán nên cũng đáp ứng một phần nhu cầu chi tiêu phục vụ phát triển kinh tế, Xã hội của Huyện.

Do Huyện Tân Phú Đông là Huyện mới chia tách nên dự toán thu được Tỉnh giao có phần thấp hơn so với các Huyện khác, chủ yếu là dựa vào nguồn thu bổ sung cân đối từ ngân sách Tỉnh. UBND Huyện Tân Phú Đông chỉ đạo thường xuyên tăng cường quản lý các nguồn thu phát sinh tại, tăng cường kiểm tra đối với hoạt động NQD, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm trong lĩnh vực thuế. Điều tra, nắm bắt kịp thời biến động về doanh thu và bổ sung kịp thời vào sổ bộ để làm cơ sở cho quản lý thu. Kiểm tra quyết toán của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để làm cơ sở thanh toán thuế còn nợ đọng, xử lý nộp NSNN. Sổ hộ kinh doanh và mức thuế điều được các Xã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND, UBMTTQ, các ban quản lý chợ, phát trên đài truyền thanh để dân biết tham gia giám sát bảo đảm đóng góp công bằng, đồng viên kịp thời những hộ nộp thuế đúng, đủ, nhắc nhở những hộ cá nhân kinh doanh chưa chấp hành tốt.

Việc quản lý và điều hành ngân sách của các đơn vị, các địa phương trong Huyện bám sát dự toán được giao, không phát sinh lớn ngoài dự toán. Chi ngân sách Huyện, chủ yếu là chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi, nguồn thu ngân sách Huyện khá hạn hẹp, phụ thuộc từ các nguồn thu trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh, tăng chi từ các nguồn tăng thu trong năm. Trong những năm qua cho thấy chi đầu tư phát triển còn rất thấp, nguyên nhân là Huyện mới hình thành và chưa được đầu tư để xây dựng cầu đê nối liền giữa đất liền và Huyện do đó chưa thu hút các nhà đầu tư, ngân sách Tỉnh bổ sung có hạn và cán bộ kỹ thuật, năng lực chuyên môn yếu, kế toán và chủ đầu tư còn yếu.

1.7.2. Một số bài học kinh nghiệm

Qua nghiên cứu quản lý thu, chi ngân sách nhà nước ở một số địa phương trên, những yêu cầu cơ bản về quản lý thu, chi NSNN và tổ chức hệ thống ngân sách một số Huyện, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Thực hiện các biện pháp quản lý thu, chi NSNN xuyên suốt chu trình quản lý NSNN (từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán thanh tra, kiểm tra), trong phân cấp ngân sách cần chú trọng cân đối ngân sách, kiểm tra, thanh tra và kiểm toán quản lý thu, chi NSNN.

Quản lý thu, chi NSNN cho các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở thống nhất chính sách, chế độ, thống nhất chỉ đạo, tạo điều kiện cho các địa phương phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các quy định của pháp luật, thực hiện

quản lý tài chính và sử dụng linh hoạt nguồn lực tài chính; thi hành những biện pháp tài chính cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Coi việc thực hiện công khai tài chính ngân sách là biện pháp để tăng cường sự giám sát của cán bộ, công chức và nhân dân trong việc quản lý sử dụng ngân sách ở địa phương, đơn vị nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Coi trọng phân tích, dự báo kinh tế phục vụ cho việc lập dự toán ngân sách nhằm phát triển KT-XH. Việc lập dự toán thu – chi phải căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ phân bổ ngân sách hàng năm của Huyện.

Bộ máy nhà nước từ Đảng, chính quyền, đoàn thể, từ cấp Tỉnh, cấp Huyện cho đến cấp Xã, thị trấn; trên dưới một lòng, thống nhất quan điểm và quyết tâm thực hiện đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng và Pháp luật của Nhà nước thì nhất định sẽ đem lại những thành quả to lớn trong công cuộc đổi mới của đất nước trên mọi lĩnh vực. Đặc biệt là lĩnh vực cải cách hành chính và lĩnh vực cải cách tài chính công.

Kết luận Chương 1

Trong Chương 1, luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề về ngân sách nhà nước và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Những vấn đề lý luận cơ bản được hệ thống hóa và cụ thể hóa làm rõ khái niệm về vai trò của ngân sách nhà nước trong nền kinh tế thị trường và nội dung của quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, còn nghiên cứu kinh nghiệm quản lý thu, chi NSNN tại một số địa phương và rút ra bài học kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang. Và cũng từ đó đã nêu lên được các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thu, chi NSNN.

Đây chính là tiền đề cho việc phân tích và đánh giá thực trạng quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang sẽ được trình bày ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

2.1. Khái quát tình hình kinh tế - Xã hội của Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang

Huyện Gò Công Tây nằm về phía Đông của Tỉnh Tiền Giang; phía Đông giáp Huyện Gò Công Đông và Thị Xã Gò Công; phía Tây giáp Huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp sông Cửa Tiểu ngăn cách Huyện Tân Phú Đông; phía Bắc giáp sông Tra (Nhánh của sông Vàm Cỏ), ngăn cách Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An. Trung tâm Huyện cách Thành Phố Mỹ Tho 26 km về phía Đông và cách Thị Xã Gò Công 12,2 km về hướng Tây. Huyện có diện tích tự nhiên là 18.017,34 ha và dân số 134.768 người; Huyện có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các Xã: Thạnh Trị, Yên Luông, Thành Công, Đồng Sơn, Bình Phú, Long Vĩnh, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Bình Tân, Thạnh Nhựt, Vĩnh Hựu, Long Bình và Thị trấn Vĩnh Bình.

Đất đai của Huyện Gò Công Tây nằm giữa hệ thống sông rạch lớn, phía Nam là sông cửa Tiểu, phía Bắc giáp sông Tra. Đây là hai tuyến giao thông quyết mạch từ Sài Gòn và các địa phương ven biển Đông, đi các Tỉnh miền Tây Nam Bộ và sang Campuchia, địa hình tương đối bằng phẳng, do ảnh hưởng của bán nhật triều mạnh, nên phần lớn đất đai bị nhiễm phèn, mặn nặng.

Ngành Công nghiệp, xây dựng phát triển chậm, thương mại dịch vụ mang tính nhỏ lẻ. Các ngành Nông, Lâm, Ngư nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của Huyện. Cây trồng chính là lúa nước, sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 179.000 tấn/ năm. Ngoài 2-3 vụ lúa chuyên canh trong năm, nông dân Huyện còn trồng nhiều loại cây màu khác như: Dưa hấu, Bắp, Rau đậu các loại....

Kinh tế vườn cũng phát triển nhanh, hiện nay Huyện chuyển đổi mạnh cơ cấu cây từ lúa sang các cây lâu năm như: Dừa, Thanh Long, Xoài, Bưởi, Mãng cầu Xiêm...Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Khai thác thủy sản đã và đang là một mũi nhọn kinh tế.

Mặc dù là một địa phương thuộc một Tỉnh nổi tiếng về cây trái, nhưng Gò Công Tây lại là địa phương có diện tích trồng hoa màu, rau củ rất nhiều, nhiều hơn cả

diện tích trồng hoa quả. Hoa màu, rau củ ở đây chủ yếu được cung cấp cho các Tỉnh Tiền Giang và một phần cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Nên nguồn thu NSNN rất thấp năm 2016 thu 63,8 tỷ và 2017 thu 66,8 tỷ đồng và năm 2018 là 78,921. Huyện không đảm bảo được nguồn chi, phải nhờ trợ cấp từ cấp trên cân đối bổ sung cho Huyện.

*** Qui trình thu ngân sách Huyện**

Hàng năm trước khi được Tỉnh giao dự toán chi cục thể và phòng Tài chính Huyện có tổng hợp các số liệu dự toán thu, chi mà các Xã, thị trấn và các đơn vị dự toán có sử dụng ngân sách nhà nước. (Các đơn vị xây dựng dự toán dựa trên các định mức theo qui định, nhu cầu mà đơn vị cần để thực hiện thu chi trong năm sau) sau đó Huyện cùng với Sở Tài chính tiến hành thảo luận dựa trên các định mức và khả năng, nhu cầu của Huyện mà Sở Tài chính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ra Nghị quyết, Ủy Ban Nhân dân Tỉnh ra quyết định giao dự toán.

*** Qui trình chi ngân sách Huyện**

Đầu năm sau khi được Ủy Ban Nhân dân Tỉnh giao dự toán. Ủy Ban Nhân dân Huyện giao phòng Tài chính kế hoạch kết hợp cùng Chi cục thể Huyện tham mưu Ủy Ban Nhân dân Huyện dựa vào tình hình nguồn thu, khả năng thu từng Xã, thị trấn để giao dự toán. Dựa vào nhu cầu chi cục thể của từng Xã, Thị trấn, từng đơn vị bố trí dự toán chi phù hợp trình Hội đồng nhân dân ra nghị quyết, Ủy Ban Nhân dân Huyện ra quyết định phân bổ dự toán thu chi ngân sách huyện năm sau.

Sau khi các đơn vị nhận được quyết định giao dự toán thu chi ngân thì tiến hành phân khai dự toán và thực hiện đúng theo trình tự qui định.

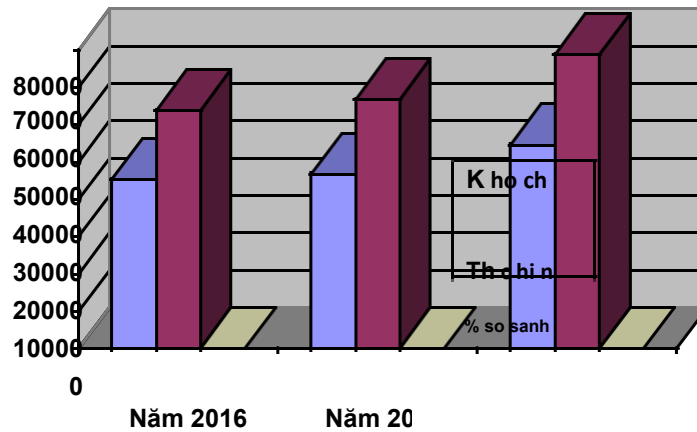
2.2. Thực trạng quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang từ năm 2016 đến năm 2018

2.2.1. Thu ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây giai đoạn 2016 – 2018

Trong những năm qua, Huyện Gò Công Tây có tốc độ phát triển kinh tế tương đối nhanh, SXKD tại không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ, thương mại, công nghiệp... Kết quả đó đã tác động rất lớn đến thu NSNN tại Huyện.

Bảng 2.1 Tổng hợp thu NSNN từ năm 2016-2018 của Huyện Gò Công Tây*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu thực hiện	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
	Dự Toán	Thực hiện	Tỉ lệ so sánh%	Dự Toán	Thực hiện	Tỉ lệ so sánh%	Dự Toán	Thực hiện	Tỉ lệ so sánh%
Tổng thu NSNN	45.320	63.817	140,81%	46.800	66.782	142,70%	54.650	78.921	144,41%
1. Thu từ DNNN địa phương	220	579	263,18%	300	774	258,00%	500	645	129,00%
2. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	14.000	16.127	115,19%	17.250	18.204	105,53%	21.200	20.169	95,14%
3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	7		-	-		-	-	
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	345	86,25%	200	261	130,50%	200	292	146,00%
5. Lệ phí trước bạ	3.800	4.135	108,82%	4.500	5.220	116,00%	5.500	6.029	109,62%
6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	100	8.348	8348,00%	150	3.589	2392,67%	150	761	507,33%
7. Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	-	-			-			195	
8. Thuế thu nhập cá nhân	6.600	6.995	105,98%	8.500	8.410	98,94%	9.200	10.524	114,39%
9. Thu tiền sử dụng đất	4.000	8.422	210,55%	3.000	11.475	382,50%	3.000	18.537	617,90%
10. Thu phí, lệ phí	2.000	4.996	249,80%	3.700	3.507	94,78%	3.900	3.689	94,59%
11. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản								518	
12. Thu khác ngân sách	14.200	13.863	97,63%	9.200	15.342	166,76%	11.000	17.562	159,65%



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Thu ngân sách Huyện Gò Công Tây đã đạt nhiều kết quả to lớn, tuy nhiên từng nguồn thu có tăng có giảm qua các năm do nhiều yếu tố khách quan (trong đó có yếu tố ảnh hưởng lớn đó là do thay đổi cơ chế chính sách thuế). Thu ngân sách Huyện Gò Công Tây đã không những đáp ứng được những nhiệm vụ chi thiết yếu mà còn dành phần tăng thu cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị làm thay đổi cơ bản bộ mặt của Huyện.

Số liệu ở bảng 2.1 nêu trên cho thấy:

Qua 3 năm thực hiện, Huyện luôn hoàn thành và vượt kế hoạch giao. Năm 2016 thu được 63.817 triệu đồng, đạt 140,81% so với dự toán và bằng 126,82% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2017 thu được 66.782 triệu đồng, đạt 142,70% so với dự toán và bằng 104,65% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018 thu được 78.921 triệu đồng, đạt 144,41% so với dự toán và bằng 118,18 % so với cùng kỳ năm trước.

Thu ngân sách Huyện Gò Công Tây tăng và vượt kế hoạch chủ yếu :

Năm 2016: Thu từ doanh nghiệp nhà nước tại địa phương, thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thu tiền thuê mặt đất mặt nước, thuế thu nhập cá nhân, thu tiền sử dụng đất, phí lệ phí. Đa số các nguồn thu cao đều liên quan đến đất do năm 2016 Huyện kêu gọi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp về địa phương mở công ty, sản xuất kinh doanh.

Năm 2017: Thu từ doanh nghiệp nhà nước tại địa phương, thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ, thu tiền thuê mặt đất mặt nước, thu tiền sử dụng đất, thu khác ngân sách. Nguồn thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tăng cao do các xã mở chiến dịch ra quân thu thuế sử dụng

đất phi nông nghiệp, nguồn thu khác cũng tăng do đấu thầu các chợ trên địa bàn các xã.

Năm 2018: Thu từ doanh nghiệp nhà nước tại địa phương, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ, thu tiền thuê mặt đất mặt nước, thuế thu nhập cá nhân, thu tiền sử dụng đất, thu khác ngân sách.

Vì vậy, vai trò và trách nhiệm của bộ phận kiểm tra thuế rất quan trọng trong việc phân tích tờ khai tại bàn nhưng bộ phận này chủ yếu dành thời gian cho việc xác minh hóa đơn hơn và đi kiểm tra quyết toán tại trụ sở của doanh nghiệp. Chính từ đó chưa phát hiện kịp thời các trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cố tình khai man, gian lận, trốn thuế làm giảm nguồn thu cho NSNN cũng như làm giảm đi vai trò là nguồn thu chủ yếu của thuế.

Quản lý hộ cá nhân kinh doanh cũng chưa được quản lý chặt chẽ, việc khảo sát xác định doanh thu đưa vào lập bộ tính thuế, số hộ điều chỉnh tăng thuế hàng năm còn nhiều hạn chế. Tình trạng theo dõi, quản lý hộ đăng ký giấy phép kinh doanh từ phòng Tài chính kế hoạch chuyển đến còn nhiều lỏng lẻo, còn tình trạng bỏ sót hộ và đưa vào lập bộ tính thuế kịp thời.

Miễn giảm thuế cũng chưa được thực hiện chặt chẽ theo đúng thủ tục, quy trình. Đối với nhiều hộ thu nhập thấp, điểm thu thuế chưa thực hiện tốt việc khảo sát, xác định doanh thu tính thuế mà chủ yếu ghi nhận doanh thu theo kê khai của cơ sở; đối với hộ ngưng nghỉ kinh doanh thì cán bộ quản lý thu cũng chưa lập hồ sơ kịp thời, không thực hiện phúc tra thực tế ngưng nghỉ.

Kiểm tra nói chung và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế nói riêng tại Chi cục Thuế Huyện Gò Công Tây đã dần dần được cải thiện và thu được nhiều kết quả trong việc kiểm tra quyết toán tại trụ sở doanh nghiệp đã xử lý kịp thời các trường hợp chủ yếu như: về ghi chép sổ sách, sử dụng hóa đơn sai quy định... các doanh nghiệp, hộ kinh doanh từng bước đều chấp hành tốt việc nộp thuế truy thu để khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, kiểm tra các doanh nghiệp kê khai lỗ nhiều năm liên tiếp cũng đã phát hiện ra nhiều trường hợp khai man, gian lận, trốn thuế như: không khai các khoản tiền thưởng, khuyến mãi, kê khai chi phí không tương ứng với doanh thu...

cơ quan thuế đã nhanh chóng tiến hành truy thu và phạt nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các khoản tiền phạt, truy thu sau kiểm tra quyết toán

chưa được các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhanh chóng và các bộ phận có liên quan cũng chưa thật sự quan tâm đến khoản nợ này.

Nói chung, quản lý thu ngân sách nhà nước của Huyện chưa được quản lý chặt chẽ đối tượng thu, nguồn thu ngân sách, kiểm soát việc kê khai quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

2.2.2. Chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây giai đoạn 2016 – 2018

Chi NSNN Huyện Gò Công Tây những năm qua đã tập trung vào nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, đáp ứng nhu cầu các khoản chi sự nghiệp trên các lĩnh vực, chi cho bộ máy quản lý hành chính (QLHC), đảm bảo an ninh quốc phòng (ANQP) và bổ sung cân đối ngân sách Xã, thị trấn. Điều này phù hợp với yêu cầu phát triển của Huyện trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chỉnh trang đô thị, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhất là các lĩnh vực có liên quan đến việc cải thiện đời sống người dân trong Huyện và phấn đấu xây dựng các Xã nông thôn mới trong thời gian tới.

Bảng 2.2. Tổng hợp chi NSNN từ năm 2016-2018 của Huyện Gò Công Tây

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Dự toán	Thực hiện	So sánh thực hiện với dự toán (%)
2016	293.735	438.331	149,23
2017	350.459	521.614	148,84
2018	381.915	511.582	133,95

(Nguồn: Phòng Tài chính kế hoạch Huyện Gò Công Tây)

600000

500000

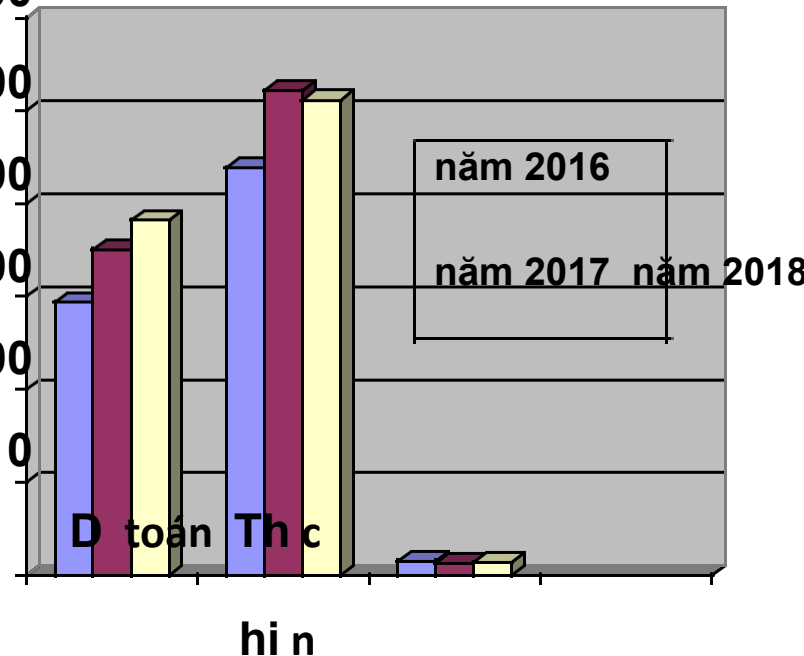
400000

300000

200000

100000

0



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Tỷ trọng các khoản chi ngân sách Huyện đều có tăng, giảm qua các năm. Tổng chi ngân sách Huyện luôn luôn bám sát với nhu cầu thực tiễn mà HĐND Tỉnh và HĐND Huyện giao cho. Tuy nhiên, chi ngân sách Huyện qua các năm đều vượt so với dự toán chi Tỉnh giao là do qua các năm có các nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán ngân sách đầu năm bao gồm nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên chuyển về để đầu tư xây dựng cơ bản các công trình để các Xã xây dựng nông thôn mới được ra mắt trước lộ trình, các khoản chi từ nguồn kết dư ngân sách Huyện để đáp ứng các nhiệm vụ chi bức xúc của địa phương.

Về cơ cấu chi, chi ngân sách Huyện gồm có chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi dự phòng. Trong đó, chi thường xuyên chiếm tỷ trọng cao nhất từ 79% đến 88%, chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng từ 12% đến 20%. Tuy nhiên, các khoản chi qua các năm đều có tăng, có giảm.

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp các khoản chi NSNN của Huyện Gò Công Tây*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng chi ngân sách địa phương (A+B+C)	438.331	521.614	511.582
A. Chi cân đối NSDP	359.752	444.637	438.965
1. Chi đầu tư phát triển	44.009	87.230	79.032
2. Chi thường xuyên	315.743	351.308	359.933
- Chi quốc phòng, an ninh	7.360	8.773	11.134
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	151.354	171.524	174.716
- Chi sự nghiệp KH-CN		6	5
- Chi sự nghiệp y tế, dân số	17.822	20.092	18.945
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.563	1.636	1.774
- Chi sự nghiệp phát thanh	959	1.049	1.111
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	506	889	793
- Chi sự nghiệp đảm bảo XH, theo NĐ 13	36.224	36.167	39.799
- Chi sự nghiệp kinh tế	25.841	36.843	25.668
- Chi sự nghiệp môi trường	526	847	3.966
- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	69.575	71.048	70.060
- Chi khác ngân sách	4.013	8.089	11.962
3. Chi dự phòng		6.099	
B. Chi chuyển nguồn	29.617	20.788	11.793
C. Các khoản chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN			
D. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	48.962	55.368	59.725
E. Chi nộp ngân sách cấp trên		821	1.099

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Về các khoản chi cho đầu tư phát triển quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng luôn được quan tâm, tạo điều kiện thúc đẩy việc giải ngân đối với các công trình, thực hiện

bố trí vốn đầu tư, sửa chữa theo thứ tự ưu tiên cho các dự án, công trình tập trung cho các Xã đạt chuẩn ra mắt nông thôn mới, đang thực hiện. Chính vì thế, những năm qua nhiều công trình đã được bàn giao và đưa vào sử dụng, trong đó chủ yếu là các trường học, trạm y tế Xã, trụ sở cơ quan hành chính...

Về chi thường xuyên, Huyện đã đáp ứng được tương đối các nhu cầu chi cho các lĩnh vực chủ yếu như:

- Số chi cho sự nghiệp văn hóa, thông tin; thể dục thể thao trong năm huyện có bố trí thêm kinh phí chi đại hội thể dục thể thao; quản lý hành chính trong năm cũng được ủy ban nhân dân huyện bố trí thêm kinh phí mua sắm sửa chữa, kinh phí đại hội cho các đơn vị ở khối đoàn thể.

- Về an ninh quốc phòng cũng được bố trí thêm kinh phí diễn tập phòng chống thiên tai hơn 300 triệu đồng, cải cách hành chính, tư pháp hàng năm được quan tâm, tạo điều kiện tốt đảm bảo an ninh trật tự, đời sống vật chất tinh thần cho người dân.

- Việc chi chưa đúng theo dự toán đầu năm vẫn còn xảy ra. Tuy nhiên, các trường hợp phát sinh các khoản chi vượt dự toán đều được UBND Huyện trình Hội đồng nhân dân Huyện xem xét kỹ trước khi quyết định chi từ nguồn kết dư ngân sách Huyện. Việc mua sắm được thực hiện trên tinh thần tiết kiệm, chỉ bổ sung kinh phí mua sắm đối với những trường hợp thực sự rất cần thiết. Sở dĩ việc chi chưa đúng theo dự toán đầu năm là do chi các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán ngân sách đầu năm nhiều nhưng nguồn bổ sung ngân sách có mục tiêu từ ngân sách cấp trên chuyển về để đáp ứng nhiệm vụ chi của địa phương.

- Số chi cho đảm bảo Xã hội tăng dần qua các năm, trong đó năm 2016 là 36.224 triệu đồng, năm 2017 là 36.167 triệu đồng đến năm 2018 là 39.799 triệu đồng, đảm bảo an sinh Xã hội, chăm lo đời sống dân nghèo, người cao tuổi, gia đình có công với cách mạng... đặc biệt là ưu tiên chi đạo cho phòng chống ma túy, phổ cập giáo dục, xóa đói giảm nghèo tạo được bước chuyển biến tốt hơn trong địa bàn dân cư.

Nhìn chung, các khoản chi không vượt nhiều so với dự toán chi đầu năm và tốc độ chi hàng năm vẫn còn biến động do trong quản lý chi NSNN vẫn còn những điểm chưa thật sự có hiệu quả. Cụ thể như:

- Một số công trình, dự án đầu tư buộc phải thay đổi dự toán do khó khăn trong việc hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân có nhà buộc phải di dời khi có công trình đi qua

làm mất thời gian, chậm tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư từ NSNN.

- Kiểm tra, thanh tra chưa thật sự sâu rộng, việc xử lý trách nhiệm vẫn còn chưa triệt để, việc thực hiện các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra vẫn còn kéo dài cũng như chưa thực hiện phúc tra một cách có hiệu quả.

- Xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao còn yếu, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể dục thể thao chủ yếu ngân sách đảm nhận kinh phí vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức hoạt động văn hóa, tập luyện thể thao. Nhiều phong trào văn hóa, thể thao do cấp trên phát động cũng do ngân sách hỗ trợ, đơn vị chưa chủ động cân đối nguồn để thực hiện.

- Hầu hết các đơn vị sự nghiệp tại Huyện trong nghiên cứu văn bản hướng dẫn về tự chủ tài chính còn nhiều hạn chế dẫn đến đơn vị không khai thác hiệu quả nguồn thu tại đơn vị mà còn ỷ lại, trông chờ vào kinh phí ngân sách cấp. Bên cạnh đó, các đơn vị còn thụ động trong việc phân tích tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị để đề xuất việc hợp tác, liên kết hoặc tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

2.2.3. Cân đối thu chi ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây

Hàng năm Ủy Ban Nhân dân Tỉnh có bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho Huyện Gò Công Tây để thực hiện các nhiệm vụ chi do đó cuối năm Huyện cân đối kết dư như sau:

Bảng 2.4. Bảng cân đối thu chi ngân sách Huyện Gò Công Tây

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng thu	Chi cân đối ngân sách địa phương	Kết dư ngân sách
2016	435.947	359.752	76.195
2017	507.066	444.637	62.429
2018	507.706	438.965	68.741

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Căn cứ vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm thì Huyện Gò Công Tây có kết dư ngân sách, tuy nhiên Huyện vẫn chưa tự đảm bảo tự thu, tự chi do nguồn thu của Huyện do Tỉnh bổ sung cân đối hàng năm.

2. 3. Đánh giá thực trạng quản lý ngân sách Nhà nước Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang

2.3.1. Những ưu điểm đạt được

Trên cơ sở quản lý thu, chi NSNN cấp Huyện cũng như quản lý thu, chi NSNN tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang đã được phân tích ở trên đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, những kết quả đạt được trong quản lý thu ngân sách Huyện như: Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi được HĐND Huyện thực hiện theo nguyên tắc: phân cấp tối đa nguồn thu theo qui định của Luật NSNN cho chính quyền cấp Xã, thị trấn để đảm bảo nhiệm vụ chi, hạn chế tối đa bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Về mặt điều tiết kinh tế - Xã hội thì nền kinh tế Huyện đã có những bước phát triển đáng kể một phần là nhờ thuế đã phát huy vai trò là công cụ quản lý vĩ mô và điều tiết nền kinh tế. Trong đó, có thể nói quy trình quản lý thuế đang thực hiện đóng góp rất lớn vào việc phát huy vai trò này của thuế. Đó là quy trình quản lý theo chế độ tự tính, tự khai và nộp thuế vào NSNN và phải tự chịu trách nhiệm về số liệu đã kê khai, điều này đảm bảo được tính tự giác thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước của đối tượng nộp thuế.

Cơ quan thuế đã từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch này thông qua việc thực hiện thu thuế đúng quy trình, đúng pháp luật đảm bảo công bằng giữa những người nộp thuế. Ngoài ra, cơ quan thuế còn tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch giữa các doanh nghiệp, kịp thời ngăn chặn các gian lận về thuế, chống thất thu ngân sách, đảm bảo các cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế. Luôn có số điện thoại đường dây nóng được niêm yết công khai trước trụ sở làm việc.

Cơ quan thuế luôn đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời cho NSNN, thường xuyên tuyên truyền các chính sách, chế độ về thuế, phí, lệ phí của Nhà nước đến với người dân bằng nhiều hình thức khác nhau. Các Xã, thị trấn trong Huyện cũng chủ động hơn trong tìm kiếm và khai thác mọi nguồn thu, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu và kế hoạch dự toán được giao. Để giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà, qui trình thu Thuế được xây dựng đơn giản tối thiểu hóa các chi phí phát sinh do quá trình thực

hiện các biện pháp quản lý thu thuế từ phía người nộp thuế và cơ quan quản lý thu thuế.

Hiện nay ngành thuế cũng đã thực hiện tin học hóa quy trình khai thuế,

nộp thuế bằng hình thức khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử nhằm giảm bớt thời gian và chi phí đi lại cho người nộp thuế. Ngoài ra, cơ quan thuế, KBNN, Ngân hàng còn có quy chế phối hợp trong việc phối hợp thu NSNN bằng các ứng dụng thông qua việc trao đổi thông tin với nhau giữa các bên. Đồng thời, ngành thuế còn có các ứng dụng công nghệ thông tin như chương trình quản lý thuế tập trung (TMS) làm cho việc quản lý các khoản thu một cách thống nhất.

Ngoài ra, tuyên truyền Luật quản lý thuế và các văn bản về thuế mới ban hành tương đối đạt hiệu quả, nhờ đó việc thực thi các chính sách thuế dần dần đi vào nề nếp, ý thức chấp hành của người dân cũng từng bước được nâng lên, góp phần tăng cường pháp chế Xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, là những thành tựu trong quản lý chi ngân sách Huyện:

Nhiệm vụ chi được cơ cấu hợp lý, cơ cấu giữa chi đầu tư và chi thường xuyên phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Quan điểm về tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính ngày càng được đổi mới cả trong tư duy và cách làm, cách thức sử dụng vốn cho đầu tư phát triển, trong cấp phát thanh toán vốn đầu tư, khoán chi, kiểm soát chi.

Chức năng tài chính được nhận thức không chỉ đơn thuần là phân phối và giám sát các nguồn lực, mà còn tổ chức sử dụng có chủ định các nguồn lực có được. Cụ thể:

- Ưu tiên dành bố trí kinh phí cho các chương trình, các mục tiêu quốc gia, tăng chi cho giáo dục, y tế và đảm bảo Xã hội.
- Thiết lập các hình thức cấp phát tương đối phù hợp với từng loại hình đơn vị và yêu cầu quản lý, kiểm soát chi.
- Từng bước xem xét được mức độ ảnh hưởng của mỗi khoản chi tới các mối quan hệ với kinh tế, chính trị, Xã hội để thiết lập một phương án chi ngân sách hợp lý trong từng giai đoạn nhất định.

Nhờ đó, Huyện Gò Công Tây đã tạo được hiệu quả về mặt Xã hội như:

- Tạo bước phát triển về văn hóa, Xã hội, thực hiện tốt các chính sách an sinh Xã hội vận động các mạnh thường quân hỗ trợ xây dựng nhà cho người nghèo tại Huyện, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng Xã hội. Bên cạnh đó, Huyện đã

dần dần tạo cơ hội bình đẳng cho nhân dân trong hưởng thụ các dịch vụ văn hóa, thể dục thể thao và các phúc lợi Xã hội.

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao, các chương trình y tế quốc gia nhằm phòng ngừa và giảm tỷ lệ mắc bệnh được chú trọng, nhờ đó sức khỏe người dân được đảm bảo, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe các đối tượng chính sách, trẻ em nghèo, người cao tuổi,...

- Lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường được thực hiện khẩn trương khi có sự chỉ đạo của lãnh đạo Huyện, nhờ đó giảm được tình trạng ô nhiễm môi trường, dần hình thành môi trường xanh, sạch, đẹp cho người dân sinh hoạt và làm việc.

- An ninh chính trị và trật tự, an toàn Xã hội ổn định, trong mọi tình huống, chủ động đấu tranh triệt phá mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Thứ ba, trong quản lý chu trình ngân sách, các cơ quan chức năng có bước chuyển biến tích cực trong thực hiện Luật NSNN và các chế độ quản lý tài chính, từng bước đưa quản lý tài chính vào hoạt động có nền nếp từ việc lập, chấp hành đến quyết toán ngân sách, phát huy hiệu quả sử dụng kinh phí NSNN, phục vụ tốt nhiệm vụ kinh tế - Xã hội của thị Xã. Phần lớn các đơn vị thụ hưởng ngân sách ngày càng nâng cao trách nhiệm trong xây dựng dự toán theo hướng dựa vào yêu cầu, nhiệm vụ và kết quả các năm trước liền kề đảm bảo phản ánh kết quả vào dự toán ngân sách, trong quá trình chấp hành dự toán, tăng cường khai thác nguồn thu, giảm gánh nặng chi cho NSNN, trong khâu quyết toán ngân sách ngày càng phản ánh được kết quả hoạt động thực tiễn làm cơ sở cho việc đánh giá và xây dựng dự toán năm sau.

Thứ tư, Huyện đã xây dựng được đội ngũ, tổ chức cán bộ, công chức tài chính ngày càng kiện toàn. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý ngân sách đã không ngừng được đổi mới, năng lực cán bộ, công chức tài chính không ngừng được hoàn thiện, nâng cao, đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn và năng lực quản lý cho cán bộ, công chức đã được quan tâm đúng mức cùng với từng bước hiện đại hóa công nghệ quản lý. Mặt khác, Huyện đã tổ chức được các đợt học tập Nghị quyết, học tập lý luận

chính trị, tạo môi trường thuận lợi để cán bộ không ngừng lớn mạnh về đạo đức, tác phong, củng cố quan điểm, lập trường kiên định.

2.3.2. Những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được thì quản lý thu, chi ngân sách Huyện Gò Công Tây vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế nhất định:

Thứ nhất, phân cấp nguồn thu, các khoản thu ngân sách Xã, thị trấn hưởng 100%; đã được phân cấp mạnh nhưng vẫn chiếm tỷ trọng không cao trong tổng thu ngân sách của Huyện do nguồn thu còn mang tính chất nhỏ, lẻ. Trên cơ sở mức chênh lệch giữ chi và thu, do một số Xã chưa tự cân đối ngân sách thì có tâm lý ỷ lại, trong chờ vào trợ cấp ngân sách Huyện, dẫn đến việc chưa có nhiều biện pháp để khai thác nguồn thu, tận dụng thu ngân sách, nhiều khoản thu nhỏ, lẻ bị bỏ qua, việc xây dựng và nuôi dưỡng nguồn thu tại các Xã hiệu quả chưa cao.

Thứ hai, về quản lý thu vẫn còn xảy ra tình trạng thất thu thuế

Tình trạng này làm giảm nguồn thu NSNN, ảnh hưởng rất nhiều đến thực hiện kế hoạch thu, có thể dẫn đến tình trạng mất cân đối ngân sách do thu không đáp ứng nhu cầu chi. Mặt khác, tình trạng thất thu thuế còn làm ảnh hưởng đến tâm lý người nộp thuế về quan điểm công bằng trong nộp thuế và cũng từ đó sẽ làm giảm ý thức chấp hành pháp luật về thuế gây khó khăn cho Huyện trong quản lý nguồn thu.

Tình trạng thất thu thuế, sót hộ, nợ đọng thuế, dây dưa, gian lận thương mại còn phổ biến. Đây là một trong những yếu kém mà nhiều năm nay ngành thuế của Huyện vẫn chưa khắc phục được. Tình trạng sót hộ là phổ biến nhất là đối với hộ kinh doanh cá thể, số lượng hộ kinh doanh Chi cục thuế quản lý thu thuế thường thấp hơn so với báo cáo của cơ quan đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể còn dùng nhiều thủ đoạn như thường xuyên thay đổi địa điểm kinh doanh, thay đổi người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để được giảm mức thuế.

Ngoài ra tình trạng gian lận thương mại, khai giảm doanh thu để trốn thuế diễn ra hết sức phức tạp đôi khi diễn ra vượt quá khả năng kiểm soát của ngành thuế.

Thứ ba, về quản lý chi, mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, các khoản chi trong các lĩnh vực ưu tiên tăng lên hàng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Huyện. Các giải pháp, phương án chi được đề ra đôi khi chưa nhanh nhạy, linh hoạt, có sự thay đổi trong khi thực hiện. Vì vậy tài chính phải luôn

bám sát với thực tế. Ví dụ như Trong xây dựng cơ bản luôn có sự điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu nằm ở khâu thiết kế, dự toán chưa chính xác dẫn

đến việc đơn vị thanh toán, nghiệm thu khối lượng theo thiết kế nhưng thực tế không phát sinh.

2.3.3. Nguyên nhân

Quản lý thu, chi NSNN tại Huyện Gò Công Tây bên cạnh những thành tựu cần phát huy thì vẫn còn nhiều vấn đề cần phải khắc phục. Để thực hiện được điều đó, cần phải tìm hiểu nguyên nhân của các hạn chế trên.

3 Nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, sự ảnh hưởng của biến động của giá cả thị trường làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân, tác động lớn đến phát triển kinh tế, Xã hội nói chung và hoạt động tài chính nói riêng. Mặt khác, các chợ tự phát phát sinh ở các ấp trong Xã đã làm cho hiệu quả kinh doanh của các tiểu thương trong chợ giảm sút, nguồn thu NSNN cũng theo đó mà giảm đi đáng kể, trong khi các hộ kinh doanh tự phát không phải nộp bất kỳ các khoản thu nào mà chính quyền địa phương còn phải chi khá nhiều kinh phí cho giải tỏa.

Thứ hai, cùng với sự phát triển kinh tế, sự du nhập những làn sóng các tệ nạn Xã hội, văn hóa độc hại, đã làm tổn thương đến các giá trị đạo lý dân tộc, những giá trị nhân văn truyền thống, tệ nạn Xã hội diễn biến ngày càng phức tạp, các băng nhóm tội phạm lứa tuổi thanh thiếu niên có tính chất manh động ngày càng tăng do sự quan tâm giáo dục của gia đình, nhà trường và Xã hội chưa đúng mức dẫn đến khó khăn trong quản lý chỉ đối với hoạt động đảm bảo an ninh trật tự Xã hội, khó đảm bảo thực hiện đúng dự toán.

Thứ ba, một số nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý thu như: do thực hiện luật thuế mới, một số chính sách thuế có thay đổi làm một số ngành hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp được miễn giảm thuế giá trị gia tăng nên cơ quan thuế mất khá nhiều thời gian và nhân lực để tập trung hướng dẫn thực hiện; do tình hình kinh tế biến động, giá cả, lãi suất ngân hàng tăng nhanh, các doanh nghiệp khó huy động vốn, hoạt động không đảm bảo, giao dịch hàng hóa chậm, công nợ khó đòi nên chậm nộp tiền thuế làm tăng số thuế nợ; hàng năm đều có nhiều ngày nghỉ kéo dài như: tết Nguyên Đán, lễ 30/4 - 1/5 nên ảnh hưởng đến tiến độ đốc thu nợ; một số hộ kinh

doanh, doanh nghiệp còn dây dưa, kéo dài thời gian nộp thuế dù Cán bộ thuế đã nhiều lần đôn đốc thu.

3 Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, những hạn chế trong quản lý thu, bên cạnh những nguyên nhân khách quan còn do những nguyên nhân chủ quan như: đơn đốc thu nợ còn chậm, đặc biệt là cưỡng chế nợ đã ảnh hưởng đến tiến độ chung trong thu; một vài CBCC còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong kiểm tra khai thác nguồn thu, cưỡng chế còn có tâm lý e dè, ngại va chạm; một số đội thuế phát hành thông báo nợ thuế còn chậm.

Thứ hai, những tồn tại trong quản lý chi đầu tư chủ yếu do khâu lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế chưa khả thi, chưa tiết kiệm vốn đầu tư. Các nhà tư vấn chủ yếu thiết kế công trình cho kịp tiến độ do chủ đầu tư đề ra mà chưa xem trọng việc thiết kế công trình theo phương án tối ưu về mọi việc dẫn đến thiết kế phải điều chỉnh nhiều lần. Bên cạnh đó, các đơn vị thụ hưởng ngân sách có tâm lý lo ngại vốn đầu tư sử dụng không hết thì năm sau sẽ không được cấp tiếp hoặc cấp vốn ít hơn nên tìm cách sử dụng triệt để vốn đầu tư, từ đó các đơn vị còn thiếu trách nhiệm trong theo dõi các khâu từ lập dự án đầu tư, thiết kế đến tiến độ thực hiện công trình dẫn đến một số nhà thầu không có biện pháp thi công phù hợp làm chậm tiến độ, thời gian kéo dài gây lãng phí vốn đầu tư.

Thứ ba, thủ trưởng một số đơn vị thiếu quan tâm đối với tài chính. Mặt khác, chưa phân công công việc phù hợp với khả năng của từng người trong phạm vi biên chế được giao, do đó, không phát huy được năng lực cá nhân để tiết kiệm biên chế, mở rộng hoạt động sự nghiệp, tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho CBCC. Ngược lại, do thu nhập thấp nên CBCC trong đơn vị cũng không làm việc hết khả năng, dẫn đến việc đơn vị tiếp tục tuyển dụng hoặc thuê ngoài và tiếp tục làm giảm kinh phí tiết kiệm. Bên cạnh đó, các đơn vị sự nghiệp công lập còn thụ động trong việc tự chủ tài chính, đơn vị còn ỷ lại vào sự hỗ trợ của NSNN trong cấp kinh phí hoạt động thường xuyên và kinh phí đầu tư, sửa chữa.

Thứ tư, năng lực quản lý của một số cán bộ lãnh đạo, cơ quan đơn vị chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn, chưa chủ động, tích cực thực hiện hết thẩm quyền, trách nhiệm của mình, năng lực dự báo còn hạn chế, còn lúng túng, xử lý chậm trong quá trình quản lý. Sự phối hợp giữa các cơ quan, giữa Huyện và các Xã, thị trấn đôi lúc

chưa chặt chẽ dẫn đến thời gian xử lý công việc chậm trễ, hiệu quả quản lý ngân sách không đạt được như mong đợi.

Thứ năm, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân chưa cao, phát sinh các trường hợp không chấp hành nghĩa vụ thuế hoặc biến tướng các hoạt động sản xuất, kinh doanh,...

Kết luận chương 2

Trên cơ sở lý luận nền tảng ở Chương 1, trong Chương 2 tác giả tập trung đánh giá thực trạng quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây từ năm 2016 đến năm 2018. Những kết quả đạt được, những nguyên nhân và hạn chế về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây đã thể hiện khá chặt chẽ. Nguyên nhân cơ bản của hạn chế là do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, tổ chức hệ thống ngân sách và cơ chế quản lý điều hành còn có những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, do đội ngũ cán bộ còn hạn chế về trình độ và năng lực. Từ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây trong thời gian qua để làm cơ sở cho việc đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây trong thời gian tới. Tiếp theo Chương 3 sẽ đề xuất một số giải pháp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây.

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

3.1. Định hướng quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.

Quá trình phát triển đi lên của Huyện Gò Công Tây trong những năm tiếp theo trên cơ sở cụ thể hóa các định hướng và mục tiêu xây dựng của Huyện bằng kế hoạch phát triển kinh tế, Xã hội, ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 được xác định: Phát huy lợi thế, tiềm năng huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, Xã hội. Tập trung xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị, giảm nghèo bền vững, phát triển kết cấu hạ tầng. Để đáp ứng được nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế, Xã hội đó của Huyện nhà thì việc xây dựng dự toán phải bám sát các mục tiêu và chiến lược phát triển kinh tế, Xã hội của Huyện. Do vậy NSNN phải không ngừng cải cách, đổi mới, quản lý thu, chi ngân sách phải góp phần tạo ra sự ổn định về kinh tế - Xã hội tại tạo lập, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, mở rộng đầu tư để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của Huyện.

3.2. Mục tiêu quản lý ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc điều hành ngân sách huyện, khai thác tốt mọi nguồn thu, tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo chi ngân sách phục vụ cho việc hoàn thành các mục tiêu KT-XH đã đề ra. Chống thất thu thuế, có các chính sách tài chính nhằm động viên khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức địa phương tăng khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu cho NSNN.

- Quản lý thu, chi ngân sách tại Huyện Gò Công Tây phải dựa trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách phát triển kinh tế Xã hội của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Tiền Giang, Huyện ủy, UBND Huyện Gò Công Tây nhằm thực hiện tốt các mục tiêu phát triển KT-XH, phù hợp với trình độ phát triển của Huyện trong điều kiện kinh tế mở cửa, hội nhập trước những thách thức và cơ hội. Quan điểm này cần quán triệt theo hướng khai thác, quản lý nguồn thu một cách chặt chẽ nhưng đồng thời phải tạo

điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động tại thành phố mở rộng SXKD.

Cần động viên hợp lý ở mức cao nhất nguồn thu vào ngân sách để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện các chiến lược phát triển KT - XH, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời tạo động lực để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Vấn đề quan trọng nhất trong quản lý nguồn thu ở Huyện hiện nay và sắp đến là thu làm sao để đảm bảo công bằng, khuyến khích sản xuất phát triển. Không phải nguồn thu tại Huyện tăng lên bao nhiêu phần trăm so với kế hoạch đề ra là lý tưởng mà quan trọng hơn là tăng cường quản lý thu thuế nhưng sản xuất kinh doanh tại Huyện vẫn phát triển đó mới là hiệu quả của quản lý thu NSNN.

- Đa dạng hóa nguồn thu tạo ra sự đóng góp của các thành phần kinh tế tại làm cho nguồn thu ngày càng tăng lên, đảm bảo ổn định lâu dài. Khắc phục tình trạng hiện nay chỉ tập trung quản lý thu vào các lĩnh vực chủ yếu, chưa quan tâm đến các lĩnh vực liên quan khác. Đồng thời phải mở rộng nguồn thu tại trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp. Quan điểm này cần quán triệt trên các khía cạnh sau:

- + Các lĩnh vực khác nguồn thu còn ít, nhưng phát triển thêm đối tượng nộp thuế thì tổng số nguồn thu sẽ tăng lên.

- + Coi trọng hơn các khoản thu ngoài thuế. Đây là khoản thu tuy nhỏ nhưng có sự đóng góp của mọi người dân tại.

Nâng cao hiệu quả các khoản chi ngân sách, bố trí chi thường xuyên ở mức hợp lý, tăng chi đầu tư phát triển để thực hiện thắng lợi các mục tiêu KT-XH đặt ra. Coi trọng hiệu quả các khoản chi ngân sách, xác định các nội dung trọng tâm cần đầu tư các khoản chi ngân sách, với quan điểm nhận thức “chi để mà thu”, “chi vào đâu để nguồn thu được sinh sôi nảy nở”. Đó là vấn đề rất quan trọng cần phải quán triệt trong quản lý chi ngân sách. Vấn đề quan trọng nhất ở Huyện Gò Công Tây chủ yếu không phải là tìm mọi cách để tăng chi mà là quản lý chi ngân sách như thế nào để tăng thu, tạo điều kiện môi trường cho sản xuất phát triển, rút ngắn khoảng cách giữa người giàu người nghèo, phát triển kinh tế đi đôi với công bằng Xã hội là quan trọng nhất.

Hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách phải đi liền với hoàn thiện bộ máy, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý thu, chi ngân sách, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

3.3. Các giải pháp quản lý ngân sách nhà nước Huyện Gò Công Tây Tỉnh Tiền Giang

3.3.1. Giải pháp tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước

$\frac{3}{4}$ Trong quản lý thu thuế:

Cơ quan thuế trên cơ sở chủ động nắm bắt nhu cầu của người nộp thuế, tổ chức tuyên truyền sát với yêu cầu, đặc điểm của từng nhóm người nộp thuế như theo thành phần kinh tế, theo ngành kinh tế, theo quy mô, ... với những hình thức hỗ trợ phong phú, đa dạng và phù hợp. Cụ thể bên cạnh các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, giải thích về thuế truyền thống như: bằng các phương tiện thông tin đại chúng, in tờ rơi, hội thảo trao đổi..., tiếp tục tăng cường bằng các biện pháp: tổ chức mạng lưới hướng dẫn của cơ quan thuế, của các Đoàn thể, Mặt trận, Công đoàn..., tới từng đối tượng nộp thuế, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp có thu có thể thực hiện tập huấn tập trung. Mọi tổ chức, cá nhân trước khi kinh doanh đều được tập huấn hướng dẫn về thuế, được sử dụng các dịch vụ hỗ trợ miễn phí thông qua điện thoại hoặc tiếp xúc trực tiếp. Điều đó làm cho các chính sách thuế phát huy được hiệu quả cao nhất, tạo thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển sản xuất và đóng góp được nhiều hơn cho NSNN.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và cung cấp dịch vụ thuế không những nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của người nộp thuế mà còn tạo ra tiếng nói chung, góp phần thúc đẩy thuế đi vào cuộc sống và người nộp thuế trở thành người bạn đồng hành với cán bộ thuế.

Giải pháp thứ hai trong quản lý thu thuế, đó là ứng dụng khoa học công nghệ. Có thể thấy hiện nay, khi mà khoa học công nghệ thế giới đang phát triển như vũ bão thì việc chuyển quản lý thu thuế theo cách thủ công, lạc hậu sang phương pháp quản lý hiện đại với sự ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những việc đặc biệt quan trọng có tính chất quyết định đến sự thành công của cải cách thuế. Mặc dù thời gian qua, kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử đã từng bước phát triển, tuy nhiên rõ ràng là việc quản lý nguồn thu từ thuế vẫn chưa đầy đủ, điển hình như các hạn chế trong việc khảo sát các hộ kinh doanh xác định doanh số tính thuế hoặc các hộ kinh doanh cá thể chuyển sang doanh nghiệp, kê khai số thuế phải nộp thấp hơn mức thuế

khoán trước đây nhưng chưa xử lý đầy đủ. Vì vậy, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian tới là vô cùng cần thiết. Một chương trình hoạt động ứng dụng

công nghệ thông tin muốn khắc phục được các hạn chế đó phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Hỗ trợ tuyên truyền và cung cấp dịch vụ cho đối tượng nộp thuế có chất lượng.
- Hỗ trợ chức năng quản lý các hộ được miễn thuế, giảm thuế.
- Hỗ trợ chức năng kiểm tra đạt hiệu quả nhằm mục tiêu tạo ra công cụ phân tích thông tin tình trạng nộp thuế, tình hình biến động kinh doanh của từng doanh nghiệp và tham chiếu với các thông tin thu thập được phục vụ cho thanh tra, kiểm tra đúng đối tượng, hạn chế lãng phí nhân lực và đem lại hiệu quả cao.
- Hỗ trợ chức năng thu nợ và cưỡng chế thuế với mục tiêu hỗ trợ việc tính toán số thuế còn nợ của từng đối tượng nộp thuế, phân tích tình trạng nợ, khả năng thu hồi nợ để lập kế hoạch thu nợ thuế, hỗ trợ việc đưa ra quyết định sử dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế.

Song song với việc thực hiện các yêu cầu trên thì cơ quan thu cũng cần thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch toàn diện về tuyển dụng và phát triển nhân sự của phòng tin học;
- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin, thay thế những thiết bị lạc hậu.
- Xây dựng hệ thống mạng máy tính thống nhất, hiện đại, đảm bảo được tốc độ đường truyền cao, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống tin học ngành tài chính qua việc trao đổi thông tin giữa Thuế - Kho bạc – Hải quan tạo nên một hệ thống thông tin tài chính hiện đại.
- Xây dựng các phần mềm hỗ trợ cho quản lý nội bộ trong hệ thống thuế cũng như nâng cao các tính năng trong phần mềm quản lý thuế đáp ứng được nhiều thông tin khi có nhu cầu;

Cơ quan thuế phải theo dõi được số nộp cho số thuế phát sinh và số nộp cho nợ tồn đọng của đối tượng nộp thuế theo từng loại thuế. Qua đó, xác định được tính chất,

mức nợ, tuổi nợ của từng món nợ thuế để có biện pháp thu nợ phù hợp nhằm giảm các khoản nợ có mức nợ và tuổi nợ cao. thu nợ phải được thực hiện theo các quy trình được chuẩn hóa như lập các hồ sơ thu nợ đối với từng trường hợp (hồ sơ nợ bao gồm các thông tin về tình trạng nợ thuế, tình hình tài chính, kinh doanh, các đối tác giao

dịch chính của người nộp thuế...). Trên cơ sở đó, tiến hành phân loại người nộp thuế theo mức độ rủi ro để lựa chọn trường hợp theo thứ tự ưu tiên đảm bảo có thể thực hiện thu hồi nợ.

Bên cạnh những giải pháp trên, thanh tra, kiểm tra trong quản lý thu thuế là một nhiệm vụ hết sức quan trọng vì không chỉ đảm bảo chỉ tiêu thuế được hoàn thành mà còn có ý nghĩa hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách. Để nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra trong quản lý thu thuế cần phải:

- Tiếp tục thực hiện chức năng phân tích hồ sơ khai thuế tại bàn một cách triệt để và đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các doanh nghiệp kê khai lỗ liên tục nhiều năm.
- Đẩy mạnh kiểm tra việc bán hàng xuất hóa đơn và việc đặt in hóa đơn, tự in hóa đơn đối với các doanh nghiệp;
- Đôn đốc doanh nghiệp chấp hành nộp ngay số tiền thuế truy thu và tiền phạt kịp thời vào NSNN.
- Thực hiện kiểm tra các doanh nghiệp không gửi tờ khai kê khai thuế hoặc kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn thực hiện năm trước và không phù hợp với thực tế phát sinh. Trường hợp phát hiện đơn vị cố tình vi phạm thì có biện pháp xử lý kiên quyết.

Cùng với thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với đối tượng nộp thuế, kiểm tra nội bộ cũng là một hoạt động không thể thiếu trong quản lý thu thuế. Vì vậy, cần thiết phải tăng cường kỷ luật kỷ cương của ngành, kiên quyết không để cán bộ vi phạm. Đẩy mạnh kiểm tra nội bộ và kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo về thuế phát sinh tại quản lý.

Đồng thời với kiểm tra nội bộ, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính với mục tiêu bãi bỏ, điều chỉnh một số thủ tục, công việc không còn phù hợp với Luật quản lý thuế và các quy trình hiện nay. Đẩy mạnh việc kê khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử đạt hiệu quả, góp phần cải cách thủ tục hành chính thuế. Thực hiện cải cách hành chính trên mọi phương diện: bộ máy, thủ tục, quy trình, tiêu chuẩn đội ngũ cán bộ công chức, lề lối làm việc, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ ... để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, hiệu quả.

Tóm lại, cần phải có một chương trình phát triển nguồn nhân lực cụ thể và hợp lý để thực hiện các mục tiêu trên. Cụ thể như sau:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cho đội ngũ công chức thuế;
- Xây dựng hệ thống chương trình và giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ thuế phù hợp với từng loại công chức và từng loại hình bồi dưỡng;
- Đánh giá phân loại công chức theo trình độ, thâm niên, trên cơ sở đó cơ cấu lại đội ngũ công chức tập trung nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế chủ yếu;
- Cần nghiên cứu lựa chọn phân công cán bộ công chức đúng người đúng việc, đúng nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc hơn.
- Lựa chọn cán bộ có kiến thức, có tâm huyết đổi mới, biết ngoại ngữ để gửi bồi dưỡng chuyên sâu hoặc đào tạo nâng cao tại các nước tiên tiến trong khu vực.

$\frac{3}{4}$ Trong quản lý thu phí, lệ phí:

Hạn chế lớn nhất làm giảm nguồn thu phí, lệ phí là do các đơn vị chưa nắm vững các văn bản hướng dẫn thu phí, lệ phí. Vì vậy, cần phải tổ chức tập huấn cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí các văn bản liên quan, kết hợp với kiên quyết xử lý vi phạm trong trường hợp các đơn vị đã được tập huấn nhưng vẫn thu, trích nộp phí, lệ phí sai quy định.

Việc giải tỏa các chợ tự phát như hiện nay là không khả thi mà phải bố trí điểm đến cho các cá nhân kinh doanh tự phát, vừa tạo điều kiện ổn định an ninh trật tự khu vực xung quanh chợ đảm bảo cho các tiểu thương trong chợ yên tâm kinh doanh vừa tạo điều kiện cho các cá nhân kinh doanh tự phát có địa điểm kinh doanh ổn định, khi đó họ sẽ tự giác thực hiện nghĩa vụ nộp phí chợ và nộp thuế theo quy định, nhờ vậy nguồn thu ngân sách cũng sẽ được tăng lên.

3.3.2. Giải pháp tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước

$\frac{3}{4}$ Đối với quản lý chi đầu tư phát triển:

Để khâu lập dự án đầu tư được khả thi cho nên việc phân tích các lợi ích kinh tế, Xã hội mà dự án đầu tư đem lại đóng vai trò rất quan trọng. Vì vậy, nâng cao chất lượng phân tích hiệu quả trong lập dự án là vấn đề cần thiết để hoàn thiện quản lý đầu tư.

Việc phân tích hiệu quả dự án chủ yếu dựa vào sự nghiên cứu và đánh giá của các cán bộ, chuyên viên trực tiếp thực hiện này do đó chất lượng của này phụ thuộc phần lớn ở năng lực, trình độ chuyên môn của những người làm phân tích. Do đó, để

nâng cao chất lượng phân tích, cần thường xuyên cho cán bộ, chuyên viên được tập huấn các văn bản liên quan, cử đi học tập kiến thức và kinh nghiệm từ các quận, thành phố có phân tích hiệu quả, đồng thời thường xuyên cập nhật và hệ thống hóa các văn bản pháp luật mới. Khi đó có các tham mưu đề xuất để đưa ra các quyết định đầu tư mới đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách.

Mặt khác, do các dự án thường kéo dài trong nhiều năm mà nhân viên phụ trách có thể thay đổi khi dự án chưa hoàn thành, hoặc dự án đã hoàn thành nhưng giao nhân viên mới tiếp nhận, khi đó việc quản lý hồ sơ, đặc biệt là việc cung cấp hồ sơ khi có yêu cầu sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần thiết phải sắp xếp, lưu trữ hồ sơ đầu tư các dự án một cách khoa học, đối với những dự án đã hoàn thành thì từng dự án phải có danh mục các tài liệu kèm theo hồ sơ, đối với các dự án chưa hoàn thành thì ghi nhận tiến độ của dự án đó kèm theo hồ sơ để đảm bảo bất kỳ ở thời điểm nào thì nhân viên nào cũng có thể theo dõi được hồ sơ.

Đồng thời với chấn chỉnh, củng cố đầu tư từ khâu khảo sát phê duyệt, quyết định các dự án để đảm bảo tính khả thi của các dự án, phải tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư trong theo dõi việc thực hiện dự án đảm bảo xuyên suốt, khắc phục triệt để tình trạng điều chỉnh thiết kế hoặc đơn vị thi công kéo dài thời gian làm chậm tiến độ cũng như có văn bản nhắc nhở, phê bình những chủ đầu tư sử dụng lãng phí vốn đầu tư như cố ý thanh quyết toán hết kinh phí dự toán được giao trong năm vì e ngại không sử dụng hết kinh phí sẽ bị cắt giảm.

Ngoài ra, trong quá trình thanh quyết toán công trình, phải tăng cường các biện pháp sau:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kế hoạch đầu tư như: các dự án đầu tư phải xác định hoàn thành bước đầu sau đó mới tiếp tục ghi kế hoạch cho bước tiếp theo, quy định cụ thể về thời gian hoàn thành từng bước đối với chủ đầu tư để thúc đẩy nghiệm thu và hoàn tất thủ tục thanh toán.

- Rà soát, kiểm tra thường xuyên các khoản nợ đọng vốn làm cơ sở: bố trí nguồn vốn, cố gắng thanh toán dứt điểm đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được thanh toán.

- Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư chủ động xây dựng kế hoạch, đảm bảo tiến độ thanh toán vốn từ đầu năm, tránh tình trạng tập trung thanh toán vào những tháng cuối năm gây khó khăn cho giải ngân vốn tại KBNN.

- Tăng cường tổ chức thanh tra đối với hoạt động đầu tư từ ngân sách nhà nước, kết hợp thanh tra thường xuyên với thanh tra đột xuất, thanh tra toàn diện với thanh tra cục bộ và cần phải có thái độ kiên quyết, trung thực trong thanh tra.

$\frac{3}{4}$ Đối với quản lý chi thường xuyên:

Đẩy mạnh thực hiện Xã hội hoá, huy động nguồn lực Xã hội cho phát triển các hoạt động sự nghiệp. Đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo ngân sách cần tập trung ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực giáo dục mầm non đến khối trung học phổ thông; đối với sự nghiệp y tế không mở rộng mạng lưới y tế cơ sở mà tập trung đầu tư y tế khu vực, làm như vậy vừa tập trung được vốn, nhân lực và tiết kiệm được nguồn để tăng chế độ hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên làm y tế.

Bố trí dự toán chi các ngành và các Xã, thị trấn phải tiết kiệm chi 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý NSNN: Bộ máy quản lý NSNN vừa là chuyên ngành vừa là đa ngành. Cần quy định trách nhiệm, quyền hạn trong hệ thống dọc cơ cấu bộ máy do đó đổi mới và hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý NSNN ở các cơ quan Tài chính, Kho bạc và kế toán các đơn vị dự toán các cấp theo hướng gọn nhẹ, có hiệu lực và hiệu quả, tạo ra mối quan hệ ăn khớp giữa các cơ quan này. Chính quyền từ Huyện đến Xã, thị trấn xác định lại chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước về ngân sách để tránh việc chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

Cần nâng cao trách nhiệm và tự chịu trách nhiệm của đơn vị sử dụng và Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong việc quản lý điều hành kinh phí của đơn vị mình đảm bảo đúng nội dung, chương trình; đúng tiêu chuẩn, định mức và theo quy định của Luật. Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp cố tình vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính ngân sách.

3.3.3 Nhóm giải pháp hỗ trợ khác

3.3.3.1 Đẩy mạnh cải cách hành chính công:

- Nâng cao hiệu quả xây dựng các văn bản, mẫu biểu báo cáo số liệu ngân sách đảm bảo tính hợp lý và sự cần thiết khi ban hành.

- Đẩy mạnh thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên lĩnh vực quản lý Nhà nước về tài chính theo hướng hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện cải cách quản lý tài chính công.

3.3.3.2 Nâng cao tư tưởng, đạo đức:

Gắn với kiểm tra với giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, nhất là Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, chú trọng giám sát việc thực hiện chuẩn mực đạo đức, lối sống theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó, thực hiện tốt vai trò, chức trách nhiệm vụ được giao, nội quy, quy chế cơ quan cũng như văn hóa công sở trong cán bộ.

3.3.3.3 Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách:

Trong bất cứ công việc nào, con người luôn là nhân tố quan trọng nhất quyết định thành công hay thất bại, trong quản lý quản lý ngân sách cũng vậy, đội ngũ cán bộ quản lý NSNN càng được kiện toàn, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thường xuyên để cán bộ công chức tài chính có thể đảm đương được công việc ngày càng phức tạp, nâng cao chất lượng thì quản lý mới đạt được hiệu quả cao nhất. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý NSNN cần thực hiện cả về mặt phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ.

Năng lực cá nhân có thể phân thành những năng lực chung bao gồm những thuộc tính như khả năng chú ý, quan sát, ghi nhớ, trí tưởng tượng, sáng tạo và những năng lực riêng gồm những thuộc tính có ý nghĩa đối với những loại hoạt động nhất định. Như vậy, năng lực là sự kết hợp những tư chất tự nhiên vốn có của con người và những kết quả hoạt động của người đó. Do đó, lãnh đạo phải phát hiện ra tư chất, bồi dưỡng năng lực của mỗi người. Trên cơ sở đó, khi tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, cần phải nắm được tư chất, năng lực của họ để giao nhiệm vụ sao cho phù hợp với nguyên tắc “chọn đúng người, giao đúng việc”. Có như vậy mới khai thác hết được tiềm năng, năng lực của mỗi người và tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt công việc được giao.

3.3.3.4 Hướng dẫn và thực hiện đồng bộ có hiệu quả Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn là cơ sở quan trọng nhất để thực hiện quản lý NSNN. Tuy nhiên, hiện nay các đơn vị chủ yếu tự nghiên cứu và thực hiện,

do đó cần có sự hướng dẫn cụ thể để thực hiện đồng bộ. Vì vậy, cần phải đẩy mạnh tuyên truyền thông tin chính sách trên cơ sở hình thành hệ thống thu nhận thông tin

phản hồi về các chính sách, cơ chế tài chính từ người dân và doanh nghiệp để khắc phục kịp thời những bất cập và hạn chế của chính sách và quá trình thực hiện chính sách.

Bên cạnh đó, cơ quan Tài chính cần hệ thống hóa các văn bản liên quan đến quản lý NSNN, trên cơ sở đó có sự triển khai đồng bộ đến các đơn vị để đơn vị có ý kiến thắc mắc và được giải đáp, hạn chế tình trạng đơn vị tự nghiên cứu và áp dụng sai qui định.

Việc triển khai các văn bản quản lý ngân sách không chỉ đối với các cán bộ công chức các cơ quan, ban ngành có liên quan đến quản lý ngân sách mà phải triển khai đến các đối tượng là cán bộ lãnh đạo các ngành, các cơ quan đơn vị Chủ tịch UBND các Xã, thị trấn nhằm đảm bảo nhận thức đầy đủ, cần thiết về Luật NSNN, các chế độ thu chi tài chính để tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành.

3.3.3.5 Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý ngân sách:

Cơ quan quản lý Nhà nước trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng không thể hoạt động đơn lẻ mà cần có sự phối hợp với các cơ quan có liên quan để cùng thực hiện một nhiệm vụ chung, đảm bảo cho hoạt động của các cơ quan không chồng chéo, đồng thời hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Huyện hoàn thành mục tiêu chung. Do đó, cần phải tăng cường phối hợp giữa các cơ quan như sau:

- Phối hợp giữa cơ quan thuế và phòng Tài chính – Kế hoạch về cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn thu từ các hộ kinh doanh;
- Phối hợp giữa cơ quan thuế và phòng Tài nguyên môi trường để theo dõi nguồn thu tiền thuê đất;
- Phối hợp giữa cơ quan thuế và Ban quản lý chợ và các đơn vị khác để quản lý nguồn thu thuế từ các tiểu thương và nguồn thu khác;
- Phối hợp giữa cơ quan thuế và KBNN để quản lý số tiền thu thuế và số tiền trích từ các công trình xây dựng khi thanh toán vốn đầu tư;
- Phối hợp giữa cơ quan thuế và phòng Tài chính - Kế hoạch để lập dự toán, chấp hành và quyết toán thu; theo dõi hộ kinh doanh phát sinh để đưa vào quản lý lập bộ kịp thời.

- Phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan chức năng trong cường chế thu nợ thuế;

- Phối hợp giữa phòng Tài chính - Kế hoạch và KBNN Huyện để kiểm soát quá trình chấp hành dự toán và thực hiện quyết toán ngân sách Huyện;
- Phối hợp giữa phòng Tài chính - Kế hoạch và Thanh tra nhà nước Huyện trong xử lý các đơn vị vi phạm về quản lý ngân sách.

3.3.3.6 Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách:

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong thời đại ngày nay đã là một tất yếu

khách quan, với quản lý tài chính thì sự chính xác kịp thời của những con số thu, chi ngân sách chính là điều kiện mang lại hiệu quả quản lý ngân sách, vì vậy cần ứng dụng công nghệ thông tin tại Huyện theo hướng sau:

Xây dựng hệ thống mạng thống nhất từ cơ quan quản lý Tài chính đến các đơn vị để kịp thời thông tin các văn bản về chế độ, chính sách mới nhất, thông tin các nội dung về định hướng trong từng tháng, nhắc nhở việc thực hiện các công tác tài chính...

Sử dụng phần mềm có chức năng tổng hợp được số liệu từ báo cáo gửi qua mạng của các đơn vị, để việc kiểm tra số liệu chính xác hơn tiết kiệm thời gian của các chuyên viên khi phải xem xét và nhập lại số liệu từ bản báo cáo giấy của đơn vị gửi. Ngoài ra, khi có nhu cầu sử dụng hoặc báo cáo số liệu cho cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan tài chính có thể chủ động trích xuất từ phần mềm quản lý thay vì yêu cầu đơn vị báo cáo sẽ làm chậm tiến độ báo cáo chung.

Tiếp tục hiện đại hóa công nghệ quản lý, triển khai đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về NSNN, và tài sản công trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và ứng dụng đề án này trong theo dõi, quản lý, điều hành ngân sách chính xác, kịp thời.

3.4. Kiến nghị đối với Ủy Ban Nhân dân Huyện Gò Công Tây

Thứ nhất kiến nghị UBND Huyện tiếp tục đẩy mạnh tính chủ động trong quản lý, điều hành ngân sách, tăng cường củng cố kỷ luật tài chính, ngày càng tăng tích lũy nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế Xã hội tại Huyện, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN.

Thứ hai, đầu tư cơ sở vật chất về công nghệ, thông tin để đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý thu, chi NSNN được đúng tầm, tạo ra sự đồng bộ, thống nhất nhanh trong số liệu thu, chi giữa các ngành Tài chính – Kho bạc – Thuế đáp ứng được theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền cũng như phục vụ cân đối ngân sách tại Huyện.

Thứ ba, cấp trên cần tăng cường kiểm tra cấp dưới trong quản lý và điều hành NSNN, trên cơ sở đó mới có hướng dẫn, định kỳ kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn về chính sách, chế độ đối với cán bộ làm quản lý tài chính của Huyện, các Xã, thị trấn. Đồng thời phải đánh giá đúng và chính xác quản lý thu, chi NSNN để từ đó có hướng đầu tư bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý thu, chi NSNN một cách có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Huyện Gò Công Tây nói riêng là một trong những công cụ của chính sách tài chính nhà nước và địa phương để quản lý kinh tế vĩ mô nhằm đáp ứng những mục tiêu ổn định KT-XH theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Vì vậy tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đáp ứng tốt nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, Xã hội, an ninh, quốc phòng.

Luận văn cao học với đề tài: **“Quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang”** đã tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Nghiên cứu về vai trò của ngân sách nhà nước là khâu tài chính tập trung quan trọng nhất, kế hoạch tài chính cơ bản, tổng hợp của Nhà nước. Trên cơ sở lý luận về ngân sách nhà nước, tác giả đưa ra những nhận thức về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.
- Nghiên cứu về các nội dung cụ thể của quản lý thu, chi ngân sách nhà nước như: quản lý, vai trò, các khoản thu, chi ngân sách nhà nước.
- Từ lý luận trên, Tác giả đã đưa ra những số liệu để so sánh, đánh giá, phân tích hiệu quả của quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Làm tiền đề để xem xét, đánh giá quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây.
- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - Xã hội của Huyện Gò Công Tây, để xem xét tiềm năng của Huyện, tạo cơ sở nghiên cứu các mục tiêu và giải pháp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước phù hợp, bám sát với thực tiễn tại địa phương trong thời gian tới.
- Đánh giá thực trạng quản lý thu, chi ngân sách nhà nước tại Huyện Gò Công Tây giai đoạn 2016 – 2018, phân tích những thành tựu trong quá trình quản lý thu, chi ngân sách đã đóng góp tích cực vào sự phát triển KT – XH tại địa phương. Bên cạnh đó, xác định những hạn chế gây khó khăn trong hoạt động điều hành quản lý thu, chi ngân sách nhà nước và các nguyên nhân của những hạn chế.

- Căn cứ vào quan điểm trong quá trình phát triển KT - XH, tác giả xác định các mục tiêu và giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trong thời gian tới.

Do thời gian nghiên cứu hoàn thiện quản lý NSNN tại Huyện Gò Công Tây tương đối ngắn và giới hạn về trình độ chuyên môn nên tác giả chỉ đánh giá khái quát, tương đối các vấn đề liên quan đến quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy, Cô để có thể tiếp tục hoàn thiện đề tài, đồng thời giúp bản thân có thêm nhiều kinh nghiệm, khi có điều kiện sẽ nghiên cứu sâu hơn nữa trong thời gian tới.

Xin chân thành cảm ơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), Thông tư 81/2006/TTBTC ngày 06/09/2006 về việc “Hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính”
2. Bộ Tài chính (2008), Thông tư 108/2008/TT – BTC ngày 18/11/2008 hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm.
3. Bộ Tài chính (2016), Thông tư 58/2016/TT-BTC quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - Xã hội, tổ chức chính trị Xã hội - nghề nghiệp, tổ chức Xã hội, tổ chức Xã hội - nghề nghiệp.
4. Bộ Tài chính (2018), Thông tư 133/2018/TT – BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước.
5. Chính phủ (2003), Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.
6. Chính phủ (2005), Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước
7. Chính phủ (2006), Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Chính phủ (2013), Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ qui định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước
9. Chính phủ (2015), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

10. Chính phủ (2016), Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

11. Chính phủ (2015), Nghị quyết số 01/NQ-CP Ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015
12. Nguyễn Đăng Dờn (2017) Giáo trình Tài chính tiền tệ NXB Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh
14. Quốc hội (2002), Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002
15. Quốc hội (2015), Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015
16. Tài chính Gò Công Tây (2016-2018), Báo cáo quyết toán ngân sách các năm 2016, 2017, 2018.